

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026; Công văn số 8597/BTC-TH ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh và đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4391/STC-THQH ngày 25 tháng 11 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2026 của tỉnh, như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá, về đích, vừa là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025, vừa là năm triển khai nhiều chủ trương, quyết sách mang tính cách mạng, lịch sử để chuẩn bị, củng cố các nền tảng cho giai đoạn phát triển mới 2026-2030. Khối lượng công việc lớn, thời gian cấp bách, yêu cầu cao. Thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại đã kéo dài nhiều năm... Tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; dịch bệnh, thiên tai và biến đổi khí hậu trở thành rủi ro thường trực. Với quyết tâm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chương trình hành động và chỉ đạo quyết liệt tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, các Nghị quyết tại các phiên họp thường kỳ của Chính phủ, các Chỉ thị, Công điện của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản của Bộ, ngành Trung ương; các Nghị quyết, Kết luận của Tỉnh ủy, Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh,... Theo đó, quán triệt tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo tinh thần chủ đề điều hành của Chính phủ “*Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tinh gọn hiệu quả; tăng tốc bứt phá*”. Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao

nhệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương khắc phục những tồn tại, hạn chế, vượt qua khó khăn, thách thức, chủ động bám sát tình hình, triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp. Triển khai kịp thời 04 nghị quyết “bộ tứ nghị quyết” của Bộ Chính trị. Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cơ sở, cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân trên địa bàn tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 đạt được nhiều kết quả tích cực, quốc phòng, an ninh được tăng cường giữ vững.

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

1. Ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 (theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Trong tổng số 24 chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, ước thực hiện đến cuối năm 2025 có 24 chỉ tiêu đạt (trong đó: có 06 chỉ tiêu vượt), cụ thể như sau:

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Chỉ tiêu Kế hoạch	Ước thực hiện năm 2025	So với Kế hoạch
A	Nhóm chỉ tiêu về kinh tế (07 chỉ tiêu)				
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%	10,0	10,59	Vượt
	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	4,18	5,16	Vượt
	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	%	15,03	15,58	Vượt
	<i>Dịch vụ</i>	%	7,57	7,74	Vượt
	<i>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm</i>	%	8,91	10,04	Vượt
2	GRDP bình quân đầu người	USD/người	3.950	3.980	Vượt
3	Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP	%	70 - 71	70,3	Đạt
	<i>Trong đó, công nghiệp - xây dựng</i>	%	40 - 41	40,7	Đạt
4	Năng suất lao động xã hội tăng	%	9,0 - 10,0	9,68	Đạt
5	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Tỷ đồng	70.700-71.700	82.205	Vượt
6	Tỷ lệ đô thị hóa (theo chính quyền 02 cấp) đạt	%	20,0	29,37	Vượt
7	Phấn đấu thu ngân sách đạt mức chỉ tiêu Trung ương giao	Tỷ đồng	35.236	35.236	Đạt
B	Nhóm chỉ tiêu về văn hóa, xã hội (09 chỉ tiêu)				
8	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn khoảng	%	41,23	41,23	Đạt
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng	%	63,97	63,97	Đạt
10	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng	%	1,79	1,79	Đạt

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Chỉ tiêu Kế hoạch	Ước thực hiện năm 2025	So với Kế hoạch
11	Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia	%			
	- Trường mầm non	%	55,46	55,46	Đạt
	- Trường tiểu học	%	82,67	82,67	Đạt
	- Trường trung học cơ sở	%	76,17	76,17	Đạt
	- Trường tiểu học - trung học cơ sở	%	38,89	38,89	Đạt
	- Trường trung học phổ thông	%	68,75	68,75	Đạt
12	Số bác sĩ/1 vạn dân	Người	10,11	10,20	Vượt
13	Số giường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế xã)	Giường	35,23	35,35	Vượt
14	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	95,17	95,17	Đạt
15	Tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng lực lượng lao động trong độ tuổi	%	26,00	26,00	Đạt
16	Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm	%	2,41	2,41	Đạt
	Trong đó: - Miền núi giảm	%	5,53	5,53	Đạt
	- Đồng bằng giảm	%	0,32	0,32	Đạt
C	Nhóm chỉ tiêu về tài nguyên, môi trường (06 chỉ tiêu)				
17	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%	91,75	91,75	Đạt
18	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	98,3	98,3	Đạt
	Trong đó: sử dụng nước sạch	%	62	62	Đạt
19	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt chuẩn	%	81	81	Đạt
20	Tỷ lệ xử lý chất thải y tế được xử lý đạt chuẩn	%	100	100	Đạt
21	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị	%	90	90	Đạt
22	Tỷ lệ che phủ rừng	%	59,45	59,45	Đạt
D	Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh (02 chỉ tiêu)				
23	Xây dựng xã, phường, đặc khu đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng	%	100	100	Đạt
	Trong đó: vững mạnh, toàn diện	%	70	81,92	Vượt
24	Xây dựng xã, phường, đặc khu đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" hàng năm đạt ít nhất	%	80	80	Đạt
	Xây dựng cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" hàng năm đạt ít nhất	%	80	80	Đạt

2. Kết quả đạt được theo ngành, lĩnh vực

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2025 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 92.812,7 tỷ đồng, tăng 10,59%¹ so với năm 2024.

Quy mô nền kinh tế (GRDP theo giá hiện hành) năm 2025 ước đạt 188.701,5 tỷ đồng, tăng 9,81% so với năm 2024.

Cơ cấu kinh tế: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 17,2%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 40,7% (*trong đó: Công nghiệp 34,0%*); khu vực dịch vụ chiếm 29,6%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 12,6%.

2.2. Lĩnh vực kinh tế

a) Về sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước thực hiện năm 2025 đạt 112,9% kế hoạch, tăng 12,9% so với năm 2024.

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025 ước đạt 185.401 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2024, vượt kế hoạch năm. Trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp của sản phẩm lọc hóa dầu ước đạt hơn 58.174 tỷ đồng, tăng 13,3% so với năm 2024; giá trị sản xuất công nghiệp ngoài sản phẩm lọc hóa dầu ước đạt hơn 127.227 tỷ đồng, tăng 17,2% so với năm 2024.

Đa số các sản phẩm công nghiệp đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra: Sản phẩm lọc hóa dầu ước đạt 7,2 triệu tấn, vượt 2,9%; thép ước đạt 7,1 triệu tấn, đạt 100%; điện sản xuất đạt 9.259 triệu kWh, vượt 12,9%; điện thương phẩm đạt 3.400 triệu kWh, vượt 17,7%; dăm gỗ nguyên liệu giấy đạt 850 nghìn tấn, vượt 41,7%; giày da các loại đạt 18 triệu đôi vượt 9%; sợi đạt 61 nghìn tấn, vượt 9%; đá xây dựng các loại đạt 2,5 triệu m³, vượt 14,7%; đường ước đạt 20.610 tấn, vượt 61%; tinh bột mì đạt 346.000 tấn, vượt 8,1%; bia các loại ước đạt 218 triệu lít, vượt 9%; nước máy thương phẩm đạt 23,5 triệu m³, vượt 1,5%; phân bón đạt 33.090 tấn, vượt 3,4%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm không đạt kế hoạch²: Sản phẩm may mặc ước đạt 16 triệu cái, đạt 91,4%; thủy sản chế biến ước đạt 11.700 tấn, đạt 97,5%; bánh kẹo các loại ước đạt 10.300 tấn, đạt 85,8%; sữa các loại ước đạt 67 triệu lít, đạt 89,3%, nước khoáng đạt 110 triệu lít, đạt 84,6%; gạch nung các loại ước đạt 382 triệu viên, đạt 93,2%.

b) Về thương mại, dịch vụ và giá cả thị trường

¹ Đây là số liệu công bố lần 1 theo Công văn số 1257/CTK-TKQG ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Cục Thống kê, Bộ Tài chính về việc Thông báo số liệu GRDP ước tính lần 1 năm 2025 theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (*Theo quy định tại Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ thì thời điểm công bố số liệu ước tính GRDP cả năm lần 2 vào ngày 01/12 năm báo cáo, nên thời điểm hiện tại chưa có thông báo mới của Cục Thống kê*). Tuy nhiên, trên cơ sở dự lường tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến cuối năm 2025, dự kiến GRDP năm 2025 tăng khoảng 10,01% như Kế hoạch đã đề ra.

² Nguyên nhân: May mặc, thủy sản chế biến không đạt kế hoạch do ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới, nhu cầu thị trường xuất khẩu phục hồi chậm, giá nguyên, nhiên, vật liệu tăng cao, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và đơn hàng của doanh nghiệp; nguồn nguyên liệu đầu vào (nông sản, thủy sản) giảm do thời tiết bất lợi; sữa các loại không đạt kế hoạch do điều tiết theo thị trường tiêu thụ; bánh kẹo không đạt kế hoạch do nhu cầu tiêu thụ giảm; gạch nung các loại không đạt kế hoạch do nhu cầu xây dựng giảm, chi phí sản xuất tăng và xu hướng chuyển đổi sang vật liệu xây không nung theo chủ trương của Nhà nước; một số cơ sở nhỏ lẻ phải dừng hoạt động do không đáp ứng yêu cầu về môi trường. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp quy mô nhỏ, năng lực dự báo và điều hành sản xuất còn hạn chế, dẫn đến chưa khai thác hết công suất và sản lượng giảm so với kế hoạch.

Giá trị sản xuất dịch vụ năm 2025 ước đạt 49.434 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2024. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 ước đạt 133.745 tỷ đồng, vượt 5,9% kế hoạch và tăng 14,4% so với năm 2024.

Kim ngạch xuất khẩu năm 2025 ước đạt 2.890 triệu USD, đạt 79% kế hoạch năm 2025³, giảm 14% so với năm 2024. Một số sản phẩm dự kiến không đạt kế hoạch: Thép đạt 750 triệu USD, đạt 52%; dầu FO đạt 65 triệu USD, đạt 65%; sản phẩm cơ khí ước đạt 92 triệu USD, đạt 48%; đồ gỗ ước đạt 7,7 triệu USD, đạt 82%.

Kim ngạch nhập khẩu năm 2025 ước đạt 5.550 triệu USD, vượt 0,1% kế hoạch và tăng 16% so với năm 2024. Hầu hết các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên, nhiên liệu, phụ liệu và máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất đều đạt và vượt kế hoạch.

c) Về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Giá trị sản xuất nông, lâm và thủy sản năm 2025 ước đạt 31.208 tỷ đồng, tăng 5,2% so với năm 2024.

Về trồng trọt: Tổng sản lượng lương thực ước đạt 634.347 tấn, đạt 99,9% so với kế hoạch, tăng 0,2% so với năm 2024. Trong đó: Sản lượng thóc đạt 555.882,6 tấn, tăng 0,1% so với năm 2024; sản lượng ngô đạt 78.464,4 tấn, tăng 1,4% so với năm 2024.

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trồng trọt hữu cơ, VietGAP được chú trọng⁴, trên địa bàn tỉnh có 2.654 ha cây trồng được chứng nhận theo các tiêu chuẩn⁵. Đã cấp và duy trì hiệu lực 67 mã số (gồm 65 mã số vùng trồng và 2 mã số cơ sở đóng gói). Tổng diện tích cây cà phê 34.567,5 ha; cao su 81.210,5 ha; dứa 9.798 ha⁶; cây mắc ca 4.418,2 ha. Tổng diện tích nhiễm sinh vật gây hại trên lúa là 15.825,2 ha, trong đó đã phòng trừ được 9.625,0 ha; tổng diện tích nhiễm trên rau màu là: 1.040,7ha, đã phòng trừ được 1.040,7 ha.

Về chăn nuôi: Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi, cơ cấu lại giống vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất và giá trị, qua đó sản lượng thịt hơi ngày càng tăng. Tổng đàn gia súc ước thực hiện năm 2025 đạt 1.059,89 nghìn con đạt 92,93% kế hoạch⁷, trong đó: Đàn trâu 82.332 con, đạt 89,95% kế hoạch, đàn bò 365.450 con, đạt 98,52% kế hoạch, đàn lợn 612.109 con, đạt 91,56% kế hoạch; thịt hơi xuất chuồng ước đạt 138.661 tấn, đạt 100% kế hoạch và tăng 3,6% so với năm 2024.

³ Kim ngạch xuất khẩu năm 2025 chỉ đạt 79% kế hoạch năm do ảnh hưởng tình hình chính trị thế giới, ảnh hưởng chính sách thuế quan của Hoa Kỳ áp thuế đối ứng với hàng hóa của Việt Nam 20% và ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung nên ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung nên ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh, nhất là mặt hàng thép, sản phẩm cơ khí và dầu FO.

⁴ Đã công nhận 02 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và xác định 10 vùng tiềm năng; 07 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đồng thời xác định được 10 vùng có tiềm năng hình thành vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao, hiện đang triển khai đánh giá đề nghị công nhận.

⁵ Gồm: VietGAP: 472,14 ha, GlobalGAP: 150 ha, Hữu cơ: 70,2 ha, Fairtrade Certificate: 168 ha, UTZ: 150 ha, 4C: 1.644 ha.

⁶ Trong đó: 2.922 ha Sâm Ngọc Linh, 1.210,8 ha Đàng Sâm, 98,7 ha Đương Quy. Một số vùng trồng dứa tập trung đã hình thành như vùng Sâm Ngọc Linh tại các xã: Măng Ri, Ngọc Linh và Xốp, vùng Sâm dứa tại Tu Mơ Rông.

⁷ Lý do tổng đàn giảm trong năm 2025: Do giá trâu bò giảm, nông dân không có lợi nhuận nên người dân ngại tái đàn, tăng đàn.

Công tác quản lý con giống, thức ăn chăn nuôi được thực hiện chặt chẽ, công tác tiêm phòng được tích cực triển khai thực hiện. Trong năm, dịch bệnh trên đàn vật nuôi đã xảy ra trên địa bàn tỉnh⁸, đã được kịp thời triển khai các biện pháp phòng, chống theo quy định; công tác tiêm phòng được triển khai tích cực.

Về lâm nghiệp: Trồng rừng tập trung, đến nay đã trồng 11.500 ha, đạt 34% kế hoạch; dự kiến cả năm trồng được 32.511 ha, đạt 100,3% kế hoạch; sản lượng gỗ rừng trồng khai thác ước cả năm đạt 2.580.620m³, tăng 23,4% so với năm 2024, đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 59,45%, đạt 100% kế hoạch. Công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng được tăng cường, bố trí lực lượng ở địa bàn xung yếu có nguy cơ cháy rừng cao, thường trực 24/24 giờ trong thời điểm nắng nóng kéo dài, sớm phát hiện lửa rừng và có phương án xử lý kịp thời khi có cháy rừng xảy ra.

Về thủy sản: Sản lượng thủy sản năm 2025 ước đạt 300.397 tấn, tăng 1,4% so với năm 2024, vượt 5,5% kế hoạch. Trong đó, sản lượng khai thác ước đạt 282.850 tấn, tăng 1% so với năm 2024, vượt 5,8% kế hoạch; sản lượng nuôi trồng ước đạt 17.547,3 tấn, tăng 12% so với 2024, đạt 100% kế hoạch năm.

Về công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU): Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác IUU trên địa bàn tỉnh và đã đạt được một số kết quả nhất định theo các khuyến nghị của EC, trong đó: Việc tuyên truyền chống khai thác IUU được chủ tàu, thuyền trưởng và ngư dân của địa phương tích cực thực hiện; cơ bản kiểm soát, ngăn chặn tàu cá và ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài để khai thác hải sản trái phép; công tác quản lý tàu cá ngày càng chặt chẽ; thực hiện tốt công tác theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá trên biển; công tác kiểm tra tàu cá tại cảng, giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng phục vụ truy xuất nguồn gốc, cấp xác nhận, chứng nhận thủy sản được triển khai thực hiện đồng bộ, đảm bảo theo quy định.

d) Về thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG)

Các Chương trình mục tiêu quốc gia được chỉ đạo thực hiện quyết liệt⁹. Ước

⁸ - Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: Giai đoạn 6 tháng đầu năm 2025, dịch xảy ra tại 4 hộ, 3 thôn, 2 xã của 2 huyện (xã Tịnh Thiện- Tp.Quảng Ngãi (cũ) và xã Tịnh Bình- Sơn Tịnh (cũ)) với tổng số lợn mắc bệnh 27 con, tổng khối lượng tiêu hủy bắt buộc 2.404 kg. Giai đoạn từ ngày 01/7/2025 đến nay (ngày 14/10/2025), bệnh DTLCF xảy ra trên đàn lợn của 11.905 hộ, tại 532 thôn, tổ dân phố, thuộc 62 xã, phường, đặc khu; tổng số lợn mắc bệnh và tiêu hủy là 87.773 con, với tổng khối lượng tiêu hủy là 5.033.175 kg. Tính đến ngày 14/10/2025 có 50/62 xã, phường dịch bệnh đã qua 21 ngày; có 09 xã, phường dịch bệnh đã qua hơn 10 ngày và có nhiều địa phương dịch bệnh đã qua một tuần lễ không phát sinh thêm ổ dịch mới;

- Bệnh Lở mồm long móng: Từ ngày 09/7/2025 đến ngày 17/7/2025 bệnh LMLM xảy ra trên 174 con trâu, bò tại 3 (xã Bình Chương 11 con bò; Trà Giang 37 con bò và 08 con trâu; xã Đăk Plô 117 con bò). Đến ngày 14/9/2025, toàn bộ số trâu bò đã được chăm sóc, khỏi triệu lâm sàng, không có gia súc bị chết do mắc bệnh.

- Bệnh Cúm gia cầm: Từ ngày 23/8/2025 đến ngày 10/10/2025 bệnh Cúm gia cầm đã phát sinh tại 07 xã (Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Phước Giang, Lân Phong, An Phú, Nghĩa Giang, Sơn Hạ), tổng số gia cầm buộc tiêu hủy 18.360 con (18.315 con vịt và 45 con gà), đồng thời tổ chức thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng tại ổ dịch theo quy định. Đến nay ổ bệnh đã được khống chế, không lây lan ra diện rộng.

⁹ Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 21/01/2025 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2025; Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; Công văn số 563/UBND-KGVX ngày 23/7/2025 về tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh; Công văn số 604/UBND-KGVX ngày 23/7/2025 và 2462/UBND-KGVX

thực hiện đến cuối năm, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giảm từ 4,27% xuống còn 1,86%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi giảm từ 8,04% xuống còn 2,51%, tỷ lệ hộ nghèo khu vực đồng bằng giảm từ 1,69% xuống còn 1,37%.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025¹⁰ được giao của 03 Chương trình là 1.709,119 tỷ đồng¹¹. Kết quả thực hiện giải ngân đến ngày 31 tháng 10 năm 2025 khoảng: 877,898 tỷ đồng, đạt 51,37% kế hoạch; trong đó: Ngân sách trung ương: 637,967 tỷ đồng; Ngân sách địa phương là 249,889 tỷ đồng.

Tổng kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025 được giao của 03 Chương trình là 1.024,416 tỷ đồng¹². Kết quả thực hiện giải ngân đến ngày 31 tháng 10 năm 2025 khoảng: 54,719 tỷ đồng, đạt 5,3% kế hoạch; trong đó: Ngân sách trung ương: 49,962 tỷ đồng; Ngân sách địa phương là 4,757 tỷ đồng.

d) Về công tác phát triển đô thị

Công tác lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quản lý quy hoạch được thực hiện theo quy định. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt bổ sung tuyến cao tốc Quảng Ngãi-Kon Tum vào Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2030 tại Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025; Bộ Xây dựng đã phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 311/QĐ-BXD Ngày 25/3/2025 và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Tờ trình số 68/TTr-BXD ngày 02/7/2025) để nghiên cứu, bổ sung Cảng hàng không Măng Đen vào quy hoạch. Phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu MĐ1, thuộc phân khu 1-Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông đến năm 2045; triển khai thực hiện việc lập 5 quy hoạch phân khu theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tại Kết luận 09-KL/TU ngày 29/9/2025; đã thẩm định 09/11 Quy hoạch phân khu trong khu Kinh tế Dung Quất¹³. Các Chương trình phát triển đô thị được chú trọng triển khai thực hiện¹⁴. Tỷ lệ đô thị hóa ước thực hiện đến cuối năm 2025 đạt 29,37%.

Ban hành Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2025 triển khai Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập

ngày 25/9/2025 về khẩn trương triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh;...

¹⁰ Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Kế hoạch vốn năm 2025 là 822,126 tỷ đồng (trong đó: Ngân sách trung ương là 752,410 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 69,716 tỷ đồng); Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: Kế hoạch vốn năm 2025 là 277,416 tỷ đồng (trong đó: Ngân sách trung ương là 190,409 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 37,007 tỷ đồng); Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới: Kế hoạch vốn là 659,577 tỷ đồng (trong đó: Ngân sách trung ương là 186,968 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 472,609 tỷ đồng).

¹¹ Trong đó: Ngân sách Trung ương là 1.129,787 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 579,332 tỷ đồng;

¹² Trong đó: Ngân sách Trung ương là 939,323 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 85,093 tỷ đồng.

¹³ Trong năm 2025 đã thẩm định các đề án QHPK: Khu công nghiệp Đông Dung Quất; Khu đô thị, dịch vụ, công nghiệp Dung Quất II; Khu đô thị, dịch vụ, công nghiệp Tây Bắc Dung Quất, Khu hỗn hợp Đông Dung Quất; Khu công nghiệp phía Đông Dung Quất; Khu đô thị dịch vụ công nghiệp Dung Quất I; đồng thời hoàn thiện trình thẩm định các hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án Khu đô thị tại khu vực quy hoạch phân khu MĐ1, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông (gồm các dự án Khu đô thị số 1, khu đô thị số 4 và khu đô thị số 5).

¹⁴ Chương trình Phát triển đô thị Đô thị Lý Sơn (tại Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 22/4/2025), Chương trình Phát triển đô thị thành phố Quảng Ngãi (tại Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/3/2025).

thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030” năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2025, số căn hộ đã xây dựng hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng là 268 căn hộ, đạt 112% so với chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

e) Thu chi ngân sách

Trung ương giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025 là 35.236 tỷ đồng. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025 ước đạt 35.236 tỷ đồng, bằng 100% dự toán Trung ương giao và bằng 104,2% so với thực hiện năm 2024.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 ước đạt 27.995 tỷ đồng, bằng 90,9% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 102,6% so với thực hiện năm 2024; trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 4.762 tỷ đồng, bằng 84,3% dự toán giao và bằng 104% so với thực hiện năm 2024; chi thường xuyên ước đạt 20.024 tỷ đồng, bằng 102% dự toán giao và bằng 115,2% so với thực hiện năm 2024; chi các chương trình mục tiêu từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu ước đạt 3.148 tỷ đồng, bằng 100% dự toán giao và bằng 59,4% so với thực hiện năm 2024. Việc quản lý, kiểm soát và sử dụng chi ngân sách được thực hiện theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

g) Đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2025 ước đạt 82.205 tỷ đồng, tăng 14,7% kế hoạch năm và bằng 87% so với năm 2024.

Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các chỉ thị, kế hoạch, kịp thời triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, trong đó: xác định việc giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong của năm để tập trung chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện; phân công từng nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư và giao tiến độ giải ngân vốn cho từng công trình, dự án, phân đấu đến hết niên độ năm 2025 hoàn thành mục tiêu giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao. Thành lập Tổ công tác thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; rà soát các khó khăn vướng mắc của công trình, dự án, tổ chức kiểm tra thực tế hiện trường, nhất là các công trình trọng điểm để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi được Thủ tướng Chính phủ giao 8.184 tỷ đồng (*bao gồm: vốn ngân sách địa phương 5.091 tỷ đồng; vốn ngân sách Trung ương 3.093 tỷ đồng*). Theo báo cáo của Kho bạc nhà nước khu vực XV, đến ngày 31/10/2025 giải ngân là 4.391 tỷ đồng, bằng 53,7% kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao, bằng 40,9% kế hoạch vốn do HĐND tỉnh giao; trong đó: ngân sách địa phương giải ngân khoảng 2.783 tỷ đồng, đạt 54,7% kế hoạch Thủ tướng giao, ngân sách trung ương giải ngân khoảng 1.608 tỷ đồng, đạt 52% kế hoạch Thủ tướng giao. Nếu trừ đi phần kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ mới giao cho tỉnh (317 tỷ đồng¹⁵) thì tỷ lệ giải

¹⁵ Tại Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 09/10/2025.

ngân của tỉnh bằng 55,8% kế hoạch vốn được giao, cao hơn bình quân chung cả nước (54,4%) theo tổng hợp của Bộ Tài chính¹⁶.

h) Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; khuyến khích đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp

Quyết liệt triển khai thực hiện cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, với mục tiêu tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch, bình đẳng, năng lực cạnh tranh nhằm thu hút tối đa, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước¹⁷. Các chỉ số về cải cách hành chính tiếp tục được chỉ đạo thực hiện và đạt kết quả¹⁸.

Từ đầu năm đến ngày 31 tháng 10 năm 2025, đã cấp phép mới cho 03 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 64 triệu USD; điều chỉnh 12 dự án, trong đó, điều chỉnh tăng vốn đầu tư 06 dự án (108,25 triệu USD); thu hồi 04 dự án, tổng vốn 4,53 triệu USD; vốn thực hiện ước đạt 197 triệu USD. Lũy kế đến nay có 81 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư 2.912 triệu USD. Ước thực hiện năm 2025, có 56/81 dự án đã đi vào hoạt động, 22 dự án đang triển khai, 03 dự án đang tạm dừng.

Tình hình đầu tư trong nước: Từ đầu năm đến ngày 31 tháng 10 năm 2025, đã cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư cho 19 dự án với tổng vốn đăng ký 12.928 tỷ đồng;

¹⁶ Tại Báo cáo số 616/BC-BTC ngày 07/11/2025.

¹⁷ Gồm: 11 chương trình Hội chợ, triển lãm trong nước và 04 chương trình Hội chợ, triển lãm nước ngoài: (i) Hội chợ, triển lãm trong nước: (1) Hội chợ hàng Việt Nam tiêu biểu xuất khẩu năm 2025 tại thành phố Hồ Chí Minh; (2) Hội nghị giao thương Quốc tế kết nối, nâng tầm Cà phê Việt tại Buôn Ma Thuột; (3) Diễn đàn xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch thúc đẩy phát triển Hàng Lang kinh tế Đông Tây năm 2025; (4) Hội chợ Hàng Việt Đà Nẵng 2025 - Tôn vinh sản phẩm OCOP; (5) Hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên năm 2025; (6) Sự kiện giới thiệu sản phẩm OCOP gắn với văn hóa các tỉnh Đồng bằng sông Hồng; các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên; các tỉnh Nam Bộ; (7) Hội chợ Hàng Việt Đà Nẵng 2025 - Tôn vinh sản phẩm OCOP; (8) Hội chợ Công Thương và OCOP Quảng Ngãi – 2025; (9) Tham gia gian hàng ẩm thực “Chuyến tàu ẩm thực xanh” tại Triển lãm thành tựu Đất nước nhân dịp kỷ niệm 80 năm Ngày Quốc khánh; (10) Hội chợ Công Thương và OCOP Quảng Ngãi năm 2025 (từ ngày 29/8/2025-02/9/2025 tại Quảng trường Phạm Văn Đồng, tỉnh Quảng Ngãi; (11) Gian hàng ẩm thực "Chuyến tàu ẩm thực xanh" tại Triển lãm thành tựu Đất nước nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc Khánh (từ ngày 22/8/2025-15/9/2025 tại TP. Hà Nội; (ii) Hội chợ, triển lãm nước ngoài: (1) Hội chợ Thương mại, Đầu tư, Du lịch Việt Nam - Lào, Lào- Việt Nam năm 2025; (2) Triển lãm Lễ hội trái cây và nông sản, thực phẩm đặc sắc Việt Nam tại Trung Quốc; (3) Đoàn giao dịch thương mại tại thị trường Đức và Pháp; (14) Đoàn giao dịch thương mại tại Pakistan.

¹⁸ Theo công bố kết quả các chỉ số năm 2024:

+ Tỉnh Quảng Ngãi cũ: Có 02 Chỉ số tăng bậc so với năm 2023 là Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) xếp hạng 38/63 tỉnh, thành phố (tăng 11 bậc) và Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) xếp hạng 24/63 tỉnh, thành (tăng 02 bậc); 03 Chỉ số giảm bậc so với năm 2023 là Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) xếp hạng 43/63 tỉnh, thành phố (giảm 16 bậc); Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) xếp hạng 59/63 tỉnh, thành phố (giảm 13 bậc) và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) xếp hạng 45/63 tỉnh, thành phố (giảm 02 bậc). Riêng Chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2023 xếp hạng 21/63, tăng 5 bậc so với năm 2022.

+ Tỉnh Kon Tum cũ: Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) đạt 88,27 điểm, xếp hạng thứ 33/63 tỉnh, thành phố, so với năm 2023, tăng 10 bậc và thứ nhất khu vực Tây Nguyên (năm 2023 chỉ số PAR Index tỉnh Kon Tum xếp thứ 2 trong khu vực Tây Nguyên, sau tỉnh Đắk Lắk); Chỉ số Hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) xếp thứ 27/63 toàn quốc, tăng 08 bậc so với năm 2023 (năm 2023 xếp thứ 35/63), giữ vị trí thứ nhất trong khu vực Tây Nguyên; Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) xếp hạng 60/63 tỉnh; Chỉ số PCI xếp hạng 49/63 tỉnh.

vốn thực hiện ước đạt 50.000 tỷ đồng. Ngoài ra, đã chấp thuận chủ trương đầu tư để đấu thầu, đấu giá cho 09 dự án (*trong đó 02 thủy điện và 07 dự án đô thị*) với tổng vốn đầu tư khoảng 85.957 tỷ đồng. Đã thực hiện điều chỉnh 46 dự án, trong đó, điều chỉnh tăng vốn 5.746 tỷ đồng, giảm vốn 151 tỷ đồng. Thu hồi 10 dự án với tổng vốn đầu tư 3.796 tỷ đồng. Lũy kế đến nay có 1.075 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư 477.672 tỷ đồng; có 781/1.075 dự án đi vào hoạt động, 275/1.075 dự án đang triển khai, 19/1.075 dự án đang tạm dừng.

Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Đến ngày 31/10/2025, số doanh nghiệp thành lập mới là 1.185 doanh nghiệp¹⁹, tăng 37,63 % so với cùng kỳ (861 doanh nghiệp); tổng vốn đăng ký 5.814 tỷ đồng, tăng 19,26% so với cùng kỳ (4.875 tỷ đồng); số doanh nghiệp giải thể 250 doanh nghiệp; số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động là 908 doanh nghiệp; số hồ sơ đăng ký trực tuyến qua cổng Thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia chiếm 53% tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý. Ước đến ngày 31/12/2025, số doanh nghiệp thành lập mới là 1.428 doanh nghiệp, tăng 47% so với cùng kỳ (971 doanh nghiệp); tổng vốn đăng ký 6.940 tỷ đồng. Tốc độ thành lập doanh nghiệp mới tăng mạnh, thể hiện niềm tin của nhà đầu tư vào môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

i) Phát triển Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp

Từ đầu năm đến ngày 31 tháng 10 năm 2025, tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 20.407,44 tỷ đồng²⁰ (*tương đương 833,13 triệu USD*), đạt 278% kế hoạch; dự kiến đến cuối năm thu hút đầu tư ước đạt khoảng 20.490,67 tỷ đồng²¹ (*836,28 triệu USD*), đạt 279% kế hoạch năm 2025, tăng 470,7% so với cùng kỳ năm 2024. Lũy kế đến tháng 10 năm 2025, tại các KKT (KKT Dung Quất, KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y) và các KCN Quảng Ngãi có 449 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 417.068 tỷ đồng (*tương đương 19,2 tỷ USD*); trong đó có 67 dự án đầu tư nước ngoài, vốn đăng ký đầu tư khoảng 2,5 tỷ USD và 382 dự án đầu tư trong nước, vốn đăng ký 359.765 tỷ đồng (*tương đương 16,7 tỷ USD*).

Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với 02 dự án: Khu đô thị mới Đông nam Dung Quất-phía Bắc và Khu đô thị mới Đông nam Dung Quất-phía Nam, với tổng vốn đăng ký đầu tư 54.617 tỷ đồng²² (*tương đương 2.180,5 triệu USD*).

k) Quản lý tài nguyên và môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu

Kịp thời ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực đất đai; quyết định giao đất, cho thuê đất đối với các dự án; phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng

¹⁹ Gồm có: 58 Công ty Cổ phần, 297 Công ty TNHH, 820 Công ty TNHH một thành viên và 10 Doanh nghiệp tư nhân.

²⁰ Ban Quản lý đã cấp Quyết định Chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời Chấp thuận Nhà đầu tư/ GCNĐKĐT đối với 13 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư 12.760 tỷ đồng (*tương đương 507,5 triệu USD*); điều chỉnh 41 dự án, trong đó có 15 dự án điều chỉnh tăng vốn, với tổng số vốn tăng thêm khoảng 7.647 tỷ đồng (*tương đương 325,6 triệu USD*).

²¹ Dự kiến từ nay đến cuối năm cấp mới 1 dự án FDI (83,1285 tỷ đồng): Nhà máy sản xuất túi xách và đồ dùng thú cưng Giant Fame Việt Nam.

²² Khu đô thị mới Đông nam Dung Quất-phía Bắc là 27.191 tỷ đồng và Khu đô thị mới Đông nam Dung Quất-phía Nam là 27.426 tỷ đồng (giá quy đổi 01 USD ngày 30/6/2025 là 25.048 đồng).

đất; bổ sung kế hoạch sử dụng đất trong năm đáp ứng yêu cầu đầu tư, xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, đồng thời điều chỉnh, bổ sung bảng giá các loại đất cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Công tác cấp phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản và công tác cấp phép khai thác khoáng sản được thực hiện đúng quy định; kịp thời cung cấp nguồn vật liệu xây dựng thông thường phục vụ thi công các công trình, dự án và nhu cầu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên giám sát việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước qua Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; thực hiện khoanh định, công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật quan trắc nước dưới đất trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch ước thực hiện đạt 91,75%

Triển khai quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh để theo dõi, đánh giá nguồn thải và các thành phần môi trường, làm cơ sở đề xuất biện pháp kiểm soát ô nhiễm. Công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và giấy phép môi trường của các dự án đầu tư ngày càng nâng cao chất lượng, hiệu quả. Ban hành Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2025. Tổ chức giám sát thực hiện các nội dung theo giấy phép môi trường đã cấp theo quy định. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị đến cuối năm ước đạt 90%.

2.3. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Hệ thống trường học cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập²³; toàn tỉnh có 474.535 học sinh, học viên, sinh viên, với 16.185 lớp học; tổng số cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, nhân viên toàn tỉnh hiện có: 32.818 người²⁴. Ngành giáo dục có nhiều đổi mới, triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đã đạt được nhiều kết quả: tổ chức thành công kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026 và kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, đúng quy chế. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt 98,41% xếp thứ hạng 19/34 tỉnh, thành phố trên cả nước, với điểm trung bình đạt 5,89 điểm; kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2024-2025 tỉnh Quảng Ngãi với 88 học sinh đạt giải; tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi năm học 2024-2025: lớp 12, lớp 9, lớp 11 và các cuộc thi, hội thi²⁵; tổ chức dạy 2 buổi/ngày và tổ chức bán trú cho trẻ bằng nhiều hình thức, huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 99,9%.

²³ Hiện nay, trên địa bàn tỉnh: có 959, cụ thể: mầm non có 339 trường; tiểu học có 225 trường; THCS có 171 trường; THPT có 64 trường; 01 Trường Mầm non - Tiểu học Việt Úc; 01 Trường Liên cấp thành phố giáo dục quốc tế IEC-Quảng Ngãi; 02 Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; 02 Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh; 12 Trung tâm GDNN-GDTX; 5 Trường trung cấp; 6 Trường Cao đẳng; 13 cơ sở tham gia đào tạo GDNN.

²⁴ Trong đó, số lượng người làm việc tại các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở: 4.442 người; số lượng người làm việc về giáo dục của UBND các xã, phường, đặc khu: 25.786 người (tại Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh).

²⁵ Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông cấp tỉnh; Hội thi Olympic Tiếng Anh dành cho học sinh THCS và THPT cấp tỉnh năm học 2024-2025; kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 11 năm học 2024-2025, hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tiểu học cấp tỉnh năm học 2024-2025; giải thể thao học sinh năm 2025, Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh năm 2025, Hội thi tay nghề cấp tỉnh năm 2025;...

Ước thực hiện đến cuối năm 2025, số trường đạt chuẩn quốc gia đạt 100% kế hoạch năm 2025 đề ra: Mầm non 188/339 trường, tỷ lệ 55,46%; Tiểu học 186/225 trường, tỷ lệ 82,67%; Trung học cơ sở 179/235 trường, tỷ lệ 76,17%; Tiểu học - Trung học cơ sở 21/54 trường, tỷ lệ 38,89%; Trung học phổ thông 44/64 trường, tỷ lệ 68,75%.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Ngành Y tế tiếp tục duy trì và phát huy tốt hoạt động khám chữa bệnh tại các tuyến phục vụ kịp thời nhu cầu khám chữa bệnh cho Nhân dân; công tác phòng chống dịch bệnh được triển khai tích cực, chủ động, kiểm soát chặt chẽ tình hình các loại dịch bệnh, phòng, chống bệnh cúm, sởi và các bệnh lây truyền qua đường hô hấp,... Thực hiện tốt công tác phân tuyến kỹ thuật tại các tuyến; triển khai các kỹ thuật mới, kỹ thuật cao trong khám và điều trị²⁶; quản lý, sử dụng thuốc đúng quy chế, đảm bảo an toàn, hợp lý. Tiếp tục thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT. Ước thực hiện năm 2025 có 10,2 bác sĩ/vạn dân, vượt 0,9% kế hoạch; số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 35,35 giường bệnh/vạn dân, đạt 100,3% kế hoạch và tỷ lệ người dân tham gia đóng bảo hiểm y tế đạt 95,17% dân số, đạt 100% kế hoạch.

Công tác tiêm chủng mở rộng được củng cố và duy trì, tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ đạt trên 95%. Công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm được triển khai tích cực, công tác bảo đảm ATVSTP phục vụ các ngày lễ kỷ niệm, các sự kiện trọng đại được triển khai một cách chủ động và kịp thời. Triển khai thực hiện tốt công tác dân số, tỷ suất sinh thô khoảng 12‰ năm 2025, dân số trung bình năm 1.881.239 người với tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 9,7‰; dân số trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) 65%; dân số 65 tuổi trở lên 12%; tuổi thọ bình quân đạt 72,9 tuổi năm 2025. Đây là lợi thế về “cơ hội dân số vàng” cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong tình hình mới.

c) Lao động, Thương binh và Xã hội và Giảm nghèo

Hệ thống thông tin thị trường lao động tiếp tục được hoàn thiện, nhất là ứng dụng chuyển đổi số và công nghệ thông tin trong kết nối cung - cầu lao động; đã tổ chức 14 phiên giao dịch việc làm nhằm cung cấp thông tin về tình hình việc làm, nhu cầu của thị trường lao động; đã đưa 1.370 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; chính sách xã hội, công tác người có công, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ nghèo, chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi luôn được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời, đặc biệt chăm lo Tết, các dịp lễ lớn²⁷; tổ chức Lễ dâng

²⁶ Các kỹ thuật mới được thực hiện tại BVĐK tỉnh: Chụp động mạch vành, Chụp, nong và đặt stent động mạch vành, PP Thâm tách siêu lọc máu HDF-Online. Nội soi dạ dày có gây mê; Ghi điện cơ. Các kỹ thuật cao thực hiện tại BVĐK tỉnh: Mô thay khớp háng, Mô nội soi khớp gối, Mô thoát đĩa đệm CSTL, PT nội soi niệu quản tán sỏi bằng máy Laser, PT máu tụ dưới màng cứng, Phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm, Phẫu thuật nạo vét hạch D3, cắt 2/3 dạ dày, cắt đường mật ngoài gan, cắt túi mật, nối hồng tràng ống gan chung,... Các kỹ thuật mới thực hiện tại BV Sản Nhi: Sàng lọc sơ sinh; Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng (Đẻ không đau); Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng gây mê; Chụp cộng hưởng từ.

²⁷ Kịp thời trao tặng 350,5 nghìn suất quà tặng của Chủ tịch nước và của tỉnh cho người có công, thân nhân người có công tại các địa phương nhân các dịp lễ lớn với tổng số tiền quà tặng hơn 151,8 tỷ đồng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức tặng quà cho 21 Bà mẹ Việt nam anh hùng do Công ty cổ phần du lịch và đầu tư BDS Đồng Đội Phú Quốc hỗ trợ, mỗi suất quà trị giá hơn 50 triệu đồng.

hoa, dâng hương tại nghĩa trang liệt sĩ tỉnh nhân các ngày Lễ lớn của đất nước, của tỉnh.

Ước đến hết năm 2025, cơ cấu lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội 41,23%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63,97%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ là 24,89%; tỷ lệ lao động thất nghiệp ở thành thị khoảng 1,79%, đều đạt kế hoạch năm.

Công tác giảm nghèo tiếp tục được quan tâm, hỗ trợ, triển khai kịp thời các chế độ chính sách cho hộ nghèo, dự kiến đến cuối năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giảm từ 4,27% xuống còn 1,86%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi giảm từ 8,04% xuống còn 2,51%, tỷ lệ hộ nghèo khu vực đồng bằng giảm từ 1,69% xuống còn 1,37%, đạt chỉ tiêu so với kế hoạch.

Công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát được chỉ đạo triển khai quyết liệt và đạt kết quả tích cực. Toàn tỉnh có 9.071 hộ có nhu cầu hỗ trợ nhà ở (*Quảng Ngãi cũ 6.331 nhà, Kon Tum cũ 2.740 nhà*); trong đó, số hộ cần xây mới nhà ở là 6.369 nhà, số hộ cần sửa chữa nhà ở là 2.702 nhà. Đã thực hiện hoàn thành 9.071 nhà (*xây mới 6.369 nhà, sửa chữa 2.702 nhà*), đạt 100% kế hoạch đề ra.

d) Công tác dân tộc và miền núi

Công tác dân tộc và thực hiện chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; tình hình kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phát triển ổn định, tình hình an ninh, trật tự xã hội được giữ vững; đời sống của người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có sự phát triển.

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 được quan tâm chỉ đạo thực hiện, kịp thời. Tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và đề xuất giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Thường xuyên gặp gỡ, thăm hỏi, động viên, tranh thủ người đứng đầu, người có uy tín trong các tôn giáo; tổ chức Đoàn lãnh đạo tỉnh thăm, chúc mừng các tổ chức, chức sắc tôn giáo tiêu biểu nhân dịp Tết nguyên đán; đón Đoàn đại diện các tôn giáo đến thăm, chúc Tết lãnh đạo tỉnh, gặp mặt chức sắc tôn giáo nhân dịp Tết nguyên đán Ất Ty; chấp thuận Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh tổ chức các hoạt động hưởng ứng lễ Phật đản năm 2025.

đ) Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Các hoạt động văn hoá bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, giá trị bản sắc văn hóa, truyền thống của các dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử cách mạng gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh được triển khai²⁸,

²⁸ Tổ chức Tuần lễ Du lịch Quảng Ngãi năm 2025; Lễ khai lễ thế lính Hoàng Sa tại đảo Lý Sơn; Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày Khởi nghĩa Ba Tơ (11/3/1945 - 11/3/2025) và 50 năm Ngày Giải phóng tỉnh Quảng Ngãi (24/3/1975 - 24/3/2025), Lễ công bố Giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Phạm Văn Đồng và Lễ dâng hoa, dâng hương nhân dịp kỷ niệm 119 năm Ngày sinh Thủ tướng Phạm Văn Đồng; Lễ Kỷ niệm 60 năm Ngày Chiến thắng Ba Gia (31/5/1965 - 31/5/2025); Thực hiện các hoạt động bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống, nghề dệt thủ công truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm tư liệu hóa Di sản văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trên địa bàn Kon Plông; tổ chức gặp mặt, tri ân các chiến sĩ cách

thực hiện với nhiều hoạt động đặc sắc và ý nghĩa với nhiều sự kiện, hoạt động chào mừng và để lại nhiều ấn tượng đẹp trong Nhân dân và du khách; triển khai thực hiện các dự án trùng tu, tôn tạo di tích²⁹; lập quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh; phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được duy trì. Phong trào thể dục thể thao quần chúng ngày càng phát triển rộng khắp; thể thao thành tích cao được chú trọng và có nhiều chuyển biến tích cực, các vận động viên thi đấu đạt nhiều huy chương ở các giải khu vực và toàn quốc³⁰.

Du lịch được chú trọng triển khai, nhiều hoạt động thu hút đông đảo du khách đến với tỉnh. Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch ngày càng được cải thiện, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ khách du lịch, chuyên gia, khách công vụ đến tham quan, làm việc³¹. Tổng lượt khách năm 2025 ước đạt 4.900 nghìn lượt, đạt 100% kế hoạch năm và tăng 29,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, khách quốc tế ước đạt 61.000 lượt, đạt 100% kế hoạch và tăng 59,1% so với cùng kỳ trước. Doanh thu ước đạt 2.640 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch và tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước; trong đó thu bằng ngoại tệ 18,3 triệu USD, đạt 100% kế hoạch và tăng 110% so với cùng kỳ năm trước.

e) Thông tin, truyền thông và Phát thanh truyền hình

Tổ chức tuyên truyền, phản ánh kịp thời, đầy đủ và chính xác các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, các sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh; việc tuyên truyền nhân rộng nhân tố mới, điển hình tiên tiến; gương người tốt, việc tốt, không ngừng “Nhân cái đẹp, dẹp cái xấu, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực” tạo sự lan tỏa trong cộng đồng; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, như khen thưởng trong lĩnh vực hoạt động báo chí, tuyên truyền, công tác phòng, chống tội phạm...

mạng bị địch bắt tù đầy, cựu chiến binh, cựu thanh niên xung phong, các gia đình chính sách, người có công với cách mạng tiêu biểu đang sinh sống trên địa bàn tỉnh phối hợp; Lễ tưởng niệm 140 năm ngày Chí sĩ yêu nước Lê Trung Đình bị thực dân pháp xử chém; Lễ kỷ niệm 60 năm Ngày Chiến thắng Vạn Tường; các hoạt động kỷ niệm 80 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025); hoạt động tháng 8 với chủ đề “Về Làng trải nghiệm nét văn hóa truyền thống” tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

²⁹ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (Nghệ thuật Cà Đáo (múa) và Tết ngã rạ (Sa Ní) của người Co); Triển khai nghiên cứu nội dung hồ sơ di tích lịch sử Ngục Đăk Glei phục vụ công tác lập hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt; Xây dựng kế hoạch hoàn thiện hồ sơ khoa học đề nghị công nhận hiện vật Đại Hồng Chung (Chuông U Minh), thuộc di tích lịch sử Chùa Tổ Đình Bắc Ái là bảo vật quốc gia...

³⁰ Giải Vô địch các câu lạc bộ Võ cổ truyền quốc gia năm 2025, từ ngày 18/04 đến ngày 30/04/2025 tại tỉnh Thái Nguyên, đạt được: 02 huy chương đồng; giải Điền kinh Cúp Tốc độ Thống nhất Thành Phố Hồ Chí Minh năm 2025, từ ngày 12/4 đến ngày 20/4/2025 tại Thành Phố Hồ Chí Minh, đạt được: 03 Huy chương bạc; Giải vô địch quốc gia Karate miền Trung, Tây Nguyên lần thứ XI năm 2025, từ ngày 18/3 đến ngày 23/3/2025, tại tỉnh Quảng Bình, đạt được 08 Huy chương vàng, 07 Huy chương bạc, 09 Huy chương Đồng, xếp thứ 3 toàn đoàn; giải vô địch quốc gia lần thứ XIII năm 2025, từ ngày 15/3 đến ngày 28/3/2025 tại tỉnh Điện Biên đạt được 01 Huy chương vàng, và 03 Huy chương Đồng; giải vô địch quốc gia lần thứ XIX năm 2025, từ ngày 04/03 đến ngày 17/03/2025, tại tỉnh Điện Biên, đạt được 01 huy chương đồng; Giải Bóng chuyền hạng A quốc gia. Tổ chức lớp tập huấn chuyên môn đối với người hướng dẫn tập luyện Dân vũ thể thao tỉnh Kon Tum (cũ) năm 2025

³¹ Đến nay, có hơn 700 cơ sở lưu trú du lịch với tổng số khoảng 9.000 phòng, trong đó khách sạn xếp hạng 4 sao: 03 cơ sở với khoảng 250 phòng; 3 sao: 06 đơn vị với 374 phòng; xếp hạng 2 sao: 14 đơn vị với 458 phòng; xếp hạng 01 sao: 18 đơn vị với 85 phòng.

Đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh, với tổng dung lượng lưu trữ là 170 TB, vận hành ổn định 30 hệ thống thông tin (HTTT), cơ sở dữ liệu (CSDL) của các cơ quan nhà nước tỉnh. Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo khả năng lưu trữ và kết nối dữ liệu từ các CSDL, HTTT của tỉnh. Toàn tỉnh đã đầu tư, khai thác gần 60 ứng dụng, CSDL, HTTT; trong đó, có 23 hệ thống được kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia, CSDL Bộ ngành.

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành triển khai 2.500 cơ quan, đơn vị, thiết lập 20.500 tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức; tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành đạt trên 99,58%, cấp xã đạt 94,67%; trên 98% văn bản được ký số khi phát hành văn bản điện tử. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh đã kết nối 100% chỉ tiêu chế độ báo cáo với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ. Hệ thống hội nghị truyền hình có 100% điểm (96 UBND cấp xã) có thiết bị kết nối, sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoạt động ổn định, kết nối với CSDL quốc gia về dân cư, Công dịch vụ công Quốc gia và các Hệ thống thông tin của các bộ ngành, đảm bảo phục vụ tổ chức và cá nhân trong thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Tổng số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia: cấp tỉnh 2.136 dịch vụ công trực tuyến/2.253 TTHC.

g) Khoa học và Công nghệ

Tổ chức triển khai rà soát, lựa chọn và công bố danh mục 13 bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương trên địa bàn tỉnh năm 2025. Theo dõi, quản lý 25 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, trong đó 19 nhiệm vụ đang triển khai, 06 nhiệm vụ đang thực hiện các thủ tục sau nghiệm thu. Tổ chức họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn 07 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện năm 2025³². Tổ chức kiểm tra, đánh giá mô hình thực hiện 05 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh³³. Tổ chức Hội thảo khoa học "*Các nghiên cứu mới về Sâm Ngọc Linh (Panax vietnamensis Ha et Grushv. var. vietnamensis) - Thành tựu và ứng dụng*", qua đó, khẳng định thêm giá trị khoa học và kinh tế thương hiệu Sâm Ngọc Linh, công bố thêm các hoạt chất mới, đồng thời tạo diễn đàn trao đổi, hợp tác giữa các nhà khoa học, nhà quản lý và doanh nghiệp trong việc phát triển Sâm Ngọc Linh.

³² (1) “Xây dựng phần mềm quản lý sáng kiến cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và tích hợp công nghệ AI hỗ trợ phát hiện sớm nội dung trùng lặp của sáng kiến”; (2) “Xây dựng hệ thống phần mềm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi”; (3) “Xây dựng phần mềm số hoá và lưu trữ hồ sơ nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; (4) Nghiên cứu nhân giống cây Gừng trâu (*Zingiber officinale* (Willd) Roscoe)) bằng phương pháp nuôi cấy mô trong phòng thí nghiệm tại tỉnh Quảng Ngãi; (5) Thu thập và đánh giá chất lượng dược liệu Đảng sâm tại một số vùng trồng thuộc tỉnh Quảng Ngãi; (6) Phân lập và tuyển chọn chủng nấm *Trichoderma* từ đất trồng cà phê trên địa bàn tây Quảng Ngãi phục vụ sản xuất chế phẩm vi sinh phòng trừ nấm bệnh hại cây cà phê; (7) Xây dựng mô hình trồng khảo nghiệm cây thuốc lá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

³³ Kiểm tra tại xã Măng Đen, Ia Chim, Đăk Mar, Đăk Pxi, Đăk Hà và Đăk Ui : (1) Lai tạo dòng nếp than triển vọng và tiến tới xây dựng thương hiệu cho tỉnh Kon Tum”; (2) Tuyển chọn giống cam sạch bệnh, không hạt, năng suất, chất lượng cao, chín rải vụ phục vụ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Kon Tum”; (3) Trồng thử nghiệm giống nho hạt đen trên một số tiểu vùng sinh thái của tỉnh Kon Tum”; (4) Đề tài “Nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá trà sóc bản địa ở vùng sinh thái lưu vực tỉnh Kon Tum”; (5) Đề tài “Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Kon Tum góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay”.

Phê duyệt dự án Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý cà phê Măng Đen thực hiện năm 2025³⁴; cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý Ngọc Linh và xác nhận số lượng cho sản phẩm sâm củ cho 03 hộ gia đình và 01 tổ chức; sử dụng tên địa danh “Sơn Linh” và xác nhận bản đồ khoanh vùng sản xuất để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm dầu phụng. Hướng dẫn 40 tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về sở hữu công nghiệp. Phê duyệt dự án Mở rộng phạm vi bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” cho sản phẩm sâm củ trên địa bàn tỉnh Kon Tum³⁵. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ đối nhãn hiệu thuộc Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum đến năm 2030 cho 02 công ty³⁶. Tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cho 70 hồ sơ sản phẩm. Tiếp nhận và xác nhận 42 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhập khẩu; 05 hồ sơ công bố hợp chuẩn; 04 hồ sơ công bố hợp quy; hướng dẫn 13 lượt doanh nghiệp xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở, đăng ký áp dụng mã số mã vạch. Tổ chức 08 cuộc kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

2.4. Lĩnh vực nội chính, tổ chức nhà nước và quốc phòng an ninh

a) Công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo

Hoạt động thanh tra, kiểm tra được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, tránh các cuộc thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp về đối tượng. Tính đến ngày 15/10/2025, toàn ngành đã thực hiện 198 cuộc thanh tra, kiểm tra, ban hành Kết luận 160 cuộc; phát hiện tổng giá trị sai phạm 35.865,4 triệu đồng và 62.235m² đất và các sai phạm khác liên quan³⁷.

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, ngành chú trọng thực hiện. Hầu hết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo đúng quy định pháp luật, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân³⁸. Các biện pháp phòng ngừa và nâng cao nhận thức về phòng, chống tham nhũng, tham nhũng, tiêu cực được tăng cường thực hiện.

b) Công tác tư pháp

Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được triển khai thực hiện thường xuyên và chú trọng nâng cao chất lượng. Từ đầu năm đến nay, đã thực hiện thẩm định 194 lượt dự thảo văn bản QPPL (55 nghị quyết, 139 quyết định); ban hành 35 nghị quyết quy phạm và 119

³⁴ Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 23/6/2025.

³⁵ Thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2030.

³⁶ Quyết định số 93/QĐ-SKHCN ngày 22/4/2025.

³⁷ Trong đó: đã kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 13.921,35 triệu đồng, kiến nghị xử lý khác 21.944 triệu đồng và 62.235m² đất, kiến nghị chuyên cơ quan điều tra xem xét 03 vụ việc có dấu hiệu tội phạm; ban hành 40 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 486,5 triệu đồng cùng nhiều biện pháp xử lý vi phạm khác.

³⁸ Tính đến ngày 15/10/2025, các cơ quan hành chính trong tỉnh tiếp 3.828 lượt/3.982 người/3.624 vụ việc. Trong đó, có 12 lượt đoàn đông người của 08 vụ việc phát sinh đến cơ quan tiếp công dân các cấp. Tiếp nhận, xử lý 8.722 đơn, trong đó có 7.196 đơn đủ điều kiện xử lý (gồm: 773 đơn khiếu nại, 251 đơn tố cáo, 6.172 đơn kiến nghị, phản ánh); đã giải quyết 3.456 vụ việc/4.069 vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ 84,9%.

quyết định quy phạm; đồng thời, thực hiện góp ý đối với 72 dự thảo văn bản Trung ương³⁹.

Thực hiện tự kiểm tra 64 văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, qua kiểm tra chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật. Thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 134 văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đến sau khi ban hành; từ ngày 01/7/2025 đến nay, đã thực hiện kiểm tra 72 văn bản được ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật của các xã, phường, đặc khu gửi đến sau khi ban hành. Tổ chức Hội nghị triển khai việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo định hướng sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013.

Thực hiện công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần trong năm 2024, gồm: 84 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, 18 văn bản hết hiệu lực một phần; chỉ đạo rà soát, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Công tác phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tiêu chí nông thôn mới được triển khai thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ.

c) Công tác Nội vụ

Công tác sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp được khẩn trương thực hiện và hoàn thành đúng tiến độ, không bỏ trống nhiệm vụ trong giai đoạn chuyển tiếp. Sau khi sắp xếp tỉnh Quảng Ngãi (mới) có 96 ĐVHC cấp xã, gồm 86 xã, 09 phường và 01 đặc khu; thành lập 14 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh sau sắp xếp tỉnh Quảng Ngãi (mới), qua các đợt kiểm tra ban đầu về vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp cho thấy về cơ bản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã thể hiện tốt tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân qua đó góp phần xây dựng hệ thống chính trị “*tin - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả*”. Việc cơ cấu sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp đã được chú trọng thực hiện⁴⁰.

Công tác sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện đảm bảo quy định. Đối với cấp tỉnh: Tổng số biên chế công chức, viên chức cấp tỉnh sau sắp xếp được giao 12.134 người⁴¹; tổng số công chức, viên chức cấp tỉnh có mặt đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 là 11.057 người. Đối với cấp xã: Tổng số biên chế công chức cấp xã sau sắp xếp được giao là 32.115 người⁴²; tổng số công chức, viên chức cấp xã có mặt đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 là 30.245 người. Chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức được triển khai kịp thời, tính đến thời điểm báo cáo, tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc

³⁹ Gồm: 25 Luật, 02 nghị quyết của Quốc hội, 02 nghị quyết của UBND tỉnh, 28 nghị định, 01 nghị quyết của Chính phủ, 05 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 03 Thông tư, 06 Quy chuẩn kỹ thuật.

⁴⁰ Sau sắp xếp, trên địa bàn tỉnh có 10 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, 167 đơn vị sự nghiệp thuộc các sở ngành và có 900 đơn vị sự nghiệp thuộc 96 xã, phường, đặc khu, trong đó có 91 đơn vị sự nghiệp khác và 809 đơn vị trường học công lập (gồm mầm non, tiểu học, Trung học cơ sở).

⁴¹ Trong đó: số lượng biên chế công chức là 2.268 người; số lượng biên chế viên chức là 9.866 người

⁴² Trong đó: số lượng biên chế công chức là 5.648 người (bao gồm biên chế cán bộ công chức cấp xã khỏi chính quyền và biên chế công chức cấp huyện chuyển về xã); số lượng biên chế viên chức cấp xã là 26.467 người (bao gồm biên chế viên chức khác và viên chức giáo dục).

khỏi chính quyền nghỉ hưu trước tuổi và thôi việc ngay theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP là 2.159 người; nghỉ hưu trước tuổi và thôi việc ngay theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP là 126 người; nghỉ hưu trước tuổi và thôi việc ngay theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP là 121 người là cán bộ, công chức, viên chức và 1.757 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Công tác tuyển dụng, tuyển chuyên, chuyển đổi vị trí công tác và công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được chú trọng thực hiện⁴³.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) được chú trọng triển khai. Việc công khai TTHC được thực hiện đầy đủ, minh bạch và kịp thời trên các nền tảng số, bao gồm trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương và niêm yết công khai qua mã QR code tại trụ sở cơ quan, Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tra cứu, tiếp cận thông tin. Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới của các sở, ban, ngành trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh từ ngày 01/7/2025 đến ngày 15/10/2025 là 14.243 hồ sơ, đã giải quyết 13.071 hồ sơ, đang giải quyết 1.909 hồ sơ, trong đó hồ sơ trước hạn và đúng hạn 12.844 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 98,26%; hồ sơ trực tuyến 13.668 hồ sơ, chiếm tỷ lệ cao 95,96%. Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới của 96 UBND xã, phường, đặc khu trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh từ ngày 01/7/2025 đến ngày 15/10/2025 là 174.139 hồ sơ, đã giải quyết 164.843 hồ sơ, đang giải quyết 7.728 hồ sơ, trong đó hồ sơ trước hạn và đúng hạn 163.042 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 98,91%; hồ sơ phát sinh trực tuyến 126.052 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 72,38%.

d) Công tác Ngoại vụ

Tập trung triển khai các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế⁴⁴. Công tác đối ngoại được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả; đón tiếp trọng thị, chu đáo các đoàn khách thuộc địa phương nước ngoài, cơ quan lãnh sự nước ngoài tại Việt Nam và tổ chức phi chính phủ nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh; các hoạt động hữu nghị, hợp tác với nước bạn Lào, Campuchia được triển khai tích cực. Từ đầu năm 2025 đến nay, tỉnh Quảng Ngãi có 19 đoàn với 198 lượt cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền ra quyết định cử đi công tác nước ngoài về việc công; 06 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia đoàn liên cơ quan của Trung ương đi việc nước ngoài về việc công; 40 lượt cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền cho phép đi nước ngoài về việc riêng; có 41 đoàn với 247 lượt người nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh.

đ) Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh được tăng cường; trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

⁴³ Tuyển dụng thu hút 02 giáo viên; điều động 451 công chức và 205 viên chức giữa các sở, ban, ngành trong diện sắp xếp, sáp nhập; điều chuyển 72 viên chức của Đài PT-TH tỉnh đến nhận công tác tại Ban Tổ chức Tỉnh ủy; tiếp nhận 03 viên chức; điều động ra ngoài 84 viên chức; thống nhất điều động công chức đến công tác tại ngành dọc đối với 01 trường hợp. Phối hợp, tổ chức 38 lớp bồi dưỡng cho 2.095 học viên.

⁴⁴ Ban hành Kế hoạch công tác đối ngoại năm 2025. Tham dự Hội nghị trực tuyến tổng kết Đề án Phát triển quan hệ giữa Việt Nam và các nước Trung Đông - Châu Phi giai đoạn 2016-2025. Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 09/9/2021 của Ban Bí thư về việc thu hút, quản lý và sử dụng hiệu quả lao động nước ngoài tại Việt Nam.

Hoàn thành công tác giao nhận quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các giải pháp thực hiện Đề án 06 của Chính phủ. Các loại tội phạm trên địa bàn tỉnh và triển khai nhiều biện pháp, giải pháp phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng chức năng thực hiện tốt công tác bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, an ninh biên giới.

Công tác phòng, chống các loại tội phạm trên địa bàn tỉnh và triển khai nhiều biện pháp, giải pháp phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, an toàn giao thông được tăng cường thực hiện; triển khai các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự. Tính chung 10 tháng, toàn tỉnh đã xảy ra 285 vụ, chết 174 người, bị thương 216 người (*giảm 159 vụ, giảm 68 người chết, giảm 140 người bị thương so với cùng kỳ*); xảy ra 71 vụ cháy, không có vụ nổ; làm 01 người chết, không có người bị thương; thiệt hại về tài sản trị giá khoảng 15,08 tỷ đồng.

II. TÒN TÀI, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN

1. Thị trường bất động sản trầm lắng; một số dự án bất động sản đã đấu thầu nhưng các nhà đầu tư chậm thực hiện; thu ngân sách chưa đạt mục tiêu đề ra, trong đó thu tiền sử dụng đất đạt thấp.

2. Trong vụ đông xuân năm 2025, thời tiết lạnh và mưa kéo dài đã ảnh hưởng trực tiếp đến sinh trưởng và phát triển của nhiều loại cây trồng, đặc biệt là lúa và rau màu.

3. Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công chưa đạt theo tiến độ kế hoạch đề ra, tiến độ giải ngân một số dự án chậm. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chậm, việc xác định nguồn gốc sử dụng đất của một số hộ gặp nhiều khó khăn do chuyển nhượng nhiều lần, việc hoàn thiện hồ sơ thu hồi đất qua nhiều bước, ảnh hưởng đến tiến độ của dự án.

4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại một số cơ sở y tế còn thiếu; tình trạng quá tải ở một số bệnh viện tuyến tỉnh vẫn còn xảy ra. Nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao vẫn còn thiếu so với nhu cầu; tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân, tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân, còn thấp so với bình quân cả nước.

5. Hoạt động xúc tiến và liên kết du lịch, các hoạt động giao lưu, hợp tác, tổ chức các sự kiện, trao đổi, kết nối tour, tuyến, điểm du lịch với các đối tác trong và ngoài nước còn hạn chế, chưa tạo bước đột phá.

6. Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học còn hạn chế, chưa có nhiều nhiệm vụ ứng dụng có quy mô lớn, sản phẩm thực sự mang tính đột phá đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao của địa phương; trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp giải quyết thủ tục hành chính cấp xã tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã còn khó khăn; điều kiện để người dân có thể tiếp cận công nghệ còn hạn chế.

7. Một số văn bản quy định và hướng dẫn của Trung ương liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp chưa quy định rõ ràng, vì vậy còn khó khăn, lúng túng trong quá trình thực hiện.

8. Công tác theo dõi, đôn đốc, xử lý sau thanh tra vẫn chưa đạt yêu cầu, một số kết luận thanh tra còn để tồn đọng kéo dài, chưa được tổ chức thực hiện triệt để.

III. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân kết quả đạt được

(1) Kế thừa những thành quả phát triển kinh tế - xã hội của những năm trước, là nền tảng rất quan trọng để tiếp tục đà phát triển trong năm 2025. Ngay từ đầu, tỉnh đã tranh thủ tối đa các điều kiện thuận lợi, cùng với việc nhận diện các khó khăn, thách thức nên đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; đồng thời, bám sát các chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để triển khai thực hiện kịp thời. Nắm chắc tình hình thực tế, có phản ứng linh hoạt, điều hành đồng bộ, tổ chức triển khai quyết liệt, xác định rõ nhiệm vụ ưu tiên, trọng tâm, trọng điểm.

(2) Triển khai thực hiện kịp thời, quyết liệt, có hiệu quả các Nghị quyết của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ, các Nghị quyết thường kỳ của Chính phủ, các Chỉ thị, Công điện của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản của Bộ, ngành Trung ương, kết luận và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội.

(3) Kịp thời ban hành các Quyết định, Chỉ thị, Kế hoạch chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh; thành lập Tổ công tác thúc đẩy tiến độ thực hiện dự án và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025; giao nhiệm vụ, phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện và thời gian hoàn thành cho các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, thường xuyên tổ chức các cuộc họp thường kỳ đánh giá kết quả phát triển kinh tế - xã hội, để kịp thời nhận diện những tồn tại, hạn chế để đề xuất các giải pháp khắc phục và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

(4) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số; đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản thủ tục hành chính, tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân; tích cực, chủ động bám sát các nhiệm vụ được giao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

(5) Các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh tích cực phối hợp triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền những nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thực hiện hiệu quả mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế, khó khăn

a) Nguyên nhân khách quan

(1) Tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động phức tạp, khó lường, nhiều diễn biến chưa có tiền lệ, vượt dự báo. Tác động của chính sách thuế quan đối ứng của Hoa Kỳ, thực hiện các cam kết về giảm thuế quan, hạn ngạch nhập khẩu và

các điều kiện khác của các hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và các nước tác động không nhỏ đến tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong tỉnh.

(2) Giá dầu thô thế giới thấp hơn giá Trung ương giao dự toán và thấp hơn so với cùng kỳ năm trước là nguyên nhân chính dẫn đến thu ngân sách không đạt kế hoạch.

(3) Biến đổi khí hậu cực đoan, thời tiết diễn biến thất thường, khó lường, dịch bệnh trên đàn vật nuôi xảy ra trên diện rộng,... đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, khai thác thủy sản...

(4) Một số thay đổi của các văn bản quy phạm pháp luật chậm ban hành dẫn đến khó khăn, lúng túng trong quá trình áp dụng, nhất là các quy định liên quan đến đất đai, đầu tư,...

b) Nguyên nhân chủ quan

(1) Công tác phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương trong triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao có lúc, có nơi còn chậm trễ, chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Một bộ phận cán bộ, công chức còn chưa chủ động, quyết liệt, còn tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm; tính chủ động trong giải quyết công việc của một số cơ quan, đơn vị còn thấp.

(2) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một số đơn vị, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; công tác bồi dưỡng, giải phóng mặt bằng, tái định cư còn chậm; tình trạng công chức kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, đảm nhận nhiệm vụ trái chuyên môn, làm tăng áp lực, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công việc.

(3) Công tác phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp ở một số địa phương, chủ rừng còn chậm, lúng túng trong việc huy động lực lượng tại chỗ để bảo vệ rừng, phát hiện, ngăn chặn vi phạm.

Đánh giá chung: Với nỗ lực của các cấp, các ngành, sự chung sức, đồng lòng các doanh nghiệp và nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2025 đạt được một số kết quả tích cực. Trong tổng số 24 chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, ước thực hiện đến cuối năm 2025 có 24/24 chỉ tiêu đạt (*trong đó: có 06 chỉ tiêu vượt*). Kết quả đạt được trên một số phương diện, lĩnh vực: Tốc độ tăng trưởng GRDP ước đạt 10,59% so với năm 2024; GRDP bình quân đầu người khoảng 100 triệu đồng/năm. Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch theo định hướng; công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò chủ lực và là điểm sáng trong phát triển công nghiệp của tỉnh và phát triển một số ngành công nghiệp có lợi thế; nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức tăng trưởng khá; cơ sở vật chất giáo dục được quan tâm, đầu tư; tình hình dịch bệnh cơ bản ổn định, kiểm soát tốt; các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức sôi nổi, cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân; các hoạt động kích cầu du lịch được tổ chức bằng nhiều hình thức đã góp phần thúc đẩy các hoạt động thương mại nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng khá; các cây trồng chủ lực của tỉnh tiếp tục được chú trọng phát triển. Các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội tiếp tục quan tâm, chú trọng thực hiện; công tác kiểm tra,

kiểm soát giữ ổn định mặt bằng giá cả thị trường được tăng cường thực hiện. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được đẩy mạnh; các giá trị văn hóa được bảo tồn, giữ gìn, phát huy; chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát được triển khai quyết liệt và đạt kết quả tốt; cải cách thủ tục hành chính thực hiện mạnh mẽ; chuyển đổi số được chú trọng thực hiện; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường, thực hiện hiệu quả Đề án 06. Quốc phòng, an ninh được đảm bảo, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, như: Thị trường bất động sản trầm lắng, thu tiền sử dụng đất đạt rất thấp. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng vẫn còn nhiều vướng mắc chưa được tháo gỡ; thiên tai, dịch bệnh trên đàn vật nuôi xảy ra trên diện rộng; tình hình vi phạm Luật Lâm nghiệp vẫn còn diễn ra; tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp và tỷ lệ đáp ứng thiết bị giáo dục tối thiểu còn thấp so với yêu cầu...

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

I. BỐI CẢNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế

Dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược các nước lớn và trong khu vực tiếp tục diễn ra gay gắt; đặc biệt lưu ý những vấn đề về xung đột chính trị tại Ucraina, Trung Đông; khả năng điều chỉnh chính sách tiền tệ, thương mại, đầu tư của các nền kinh tế lớn; triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu; các xu hướng mới về khoa học công nghệ, xanh hóa, số hóa trên thế giới; các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, an ninh mạng... tác động đến sự ổn định và phát triển của thế giới, khu vực. Trong nước, tình hình chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô ổn định; các chủ trương, quyết sách lớn, quy định pháp luật mới được triển khai tích cực, sớm đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện. Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, còn tồn tại nhiều khó khăn, thách thức đan xen, nhất là từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại đã kéo dài nhiều năm; trong khi đó yêu cầu cho đầu tư phát triển, bảo đảm an sinh xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh rất lớn nhưng nguồn lực còn hạn chế; đặc biệt năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, đòi hỏi tuyệt đối không chủ quan, tiếp tục đổi mới tư duy phát triển, hành động quyết liệt, hiệu quả hơn. Do đó, yêu cầu đặt ra là phải nắm bắt các cơ hội từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó, cần ưu tiên cho phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, tăng cường chuyển đổi số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững.

2. Thời cơ, thuận lợi và khó khăn, hạn chế

2.1. Thời cơ, thuận lợi

Quảng Ngãi có nhiều ưu thế để phát triển; vị trí địa lý thuận lợi trên các trục kinh tế Bắc - Nam, trục kinh tế Đông - Tây kết nối khu vực biển Đông - Đông Nam Á phát triển kinh tế biển. Quỹ đất lớn, hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển Khu kinh tế, Khu công nghiệp đang dần được hoàn thiện, đặc biệt là Khu kinh tế Dung Quất với diện tích quy hoạch hơn 45.000 ha - là một trong năm khu kinh tế ven biển có nhiều tiềm năng lợi thế được Chính phủ ưu tiên đầu tư và có chính sách ưu đãi cao nhất Việt Nam, tương lai sẽ hình thành Trung tâm Lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia, trong đó trọng tâm là lọc hóa dầu, điện khí, tạo cơ hội thu hút những nhà đầu tư chiến lược, là tiền đề để phát triển chuyên sâu, tạo đột phá, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tài nguyên rừng lớn, hệ thực vật đa dạng, một số lâm sản, cây công nghiệp, dược liệu quý, đặc biệt như Sâm Ngọc Linh; phát triển các nguồn điện tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; nhiều di sản thiên nhiên, lịch sử, văn hóa có giá trị, tạo tiềm năng lớn trong phát triển du lịch, như: Du lịch biển - đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen. Hệ thống cao tốc Bắc - Nam phía Đông và Quốc lộ 1 đi qua các địa bàn trọng điểm về kinh tế của tỉnh, Quốc lộ 14E, Quốc lộ 24 kết nối chiều Đông - Tây;... là điều kiện thuận lợi để phát triển các dịch vụ logistics, kho bãi, hình thành liên kết ngành và liên kết vùng trong công nghiệp và du lịch. Nguồn nhân lực dồi dào, với 63,79% tỷ lệ lao động qua đào tạo, dân số trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) chiếm 65%, đây là lợi thế về “cơ hội dân số vàng” cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong tình hình mới.

2.2. Khó khăn, hạn chế

Tình hình thế giới dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, khó lường, như: Cạnh tranh chiến lược, chiến tranh thương mại, chạy đua về khoa học công nghệ ngày càng gia tăng; an ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng khó lường.

Dự báo kinh tế tỉnh Quảng Ngãi sẽ có bước phát triển. Tuy nhiên, tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức, như: (1) Số thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất phụ thuộc rất lớn vào giá dầu thô trên thế giới, những yếu tố này biến động khó lường; (2) Thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh trầm lắng, các dự án bất động sản triển khai chậm hơn dự kiến ban đầu, dẫn đến nguồn thu tiền sử dụng đất dự kiến khó đạt theo tiến độ; (3) Hạ tầng để thu hút đầu tư còn hạn chế,... sẽ ảnh hưởng lớn đến nguồn thu ngân sách và thu hút đầu tư phát triển trong năm 2026. (4) Hạ tầng giao thông chưa đồng bộ, đặc biệt giao thông kết nối Đông - Tây,... Bên cạnh đó, tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn cao; sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ, chưa hình thành được chuỗi liên kết giá trị trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ; các dịch vụ giá trị gia tăng cao, dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật cao, phục vụ phát triển các ngành khác và phục vụ dân sinh chưa thực sự phát triển; phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh, sản phẩm chưa tạo được thương hiệu riêng, sức cạnh tranh thấp; phát triển kinh tế biển chưa tạo động lực chính cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Quyết tâm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện 05 nhiệm vụ trọng tâm⁴⁵ và 03 đột phá⁴⁶ trong giai đoạn 2025-2030. Thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững, dựa trên ba trụ cột: Công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp công nghệ cao, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu; ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tập trung đầu tư phát triển hạ tầng đồng bộ, nhất là giao thông kết nối, đô thị hóa thông minh và các khu kinh tế, khu công nghiệp; thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu Quốc gia. Tiếp tục đồng hành, tích cực hỗ trợ và tháo gỡ kịp thời các khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp và người dân về sản xuất kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong chính quyền, doanh nghiệp và xã hội; đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội; bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng sống của người dân, giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách vùng miền. Nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy, xây dựng nền hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; thực hiện quyết liệt cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chủ động truyền thông chính sách “lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”, “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, tạo khí thế, niềm tin trong Nhân dân; nâng cao công tác dân vận, mặt trận tạo động thuận xã hội.

2. Chỉ tiêu chủ yếu

Dựa trên kết quả về tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2025; căn cứ, dự báo thời cơ và thuận lợi, hạn chế và thách thức ở trong nước và trên địa bàn tỉnh; báo cáo, đánh giá của các ngành, đơn vị có liên quan, tỉnh Quảng Ngãi xây dựng Phương án tăng trưởng kinh tế của tỉnh năm 2026, như sau:

Tỉnh Quảng Ngãi quyết tâm khẳng định sức bật mới của nền kinh tế tỉnh trong bối cảnh mới với không gian rộng lớn và nhiều tiềm năng, lợi thế, động lực mới để phát triển; đây là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi Khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả, hiệu lực 05 nhiệm vụ trọng tâm và 03 đột phá trong giai

⁴⁵ Các nhiệm vụ trọng tâm: (1) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ, chính quyền; (2) Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp nền tảng, thúc đẩy hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; (3) Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ; (4) Đẩy mạnh phát triển du lịch; phát triển Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển - đảo và Khu du lịch Măng Đen trở thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; (5) Thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân.

⁴⁶ Các đột phá: (1) Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên hạ tầng giao thông, đô thị, công nghệ phục vụ cho quá trình chuyển đổi số, chuyên đổi xanh, chuyên đổi năng lượng để phát triển nhanh và bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; (2) Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt cấp tỉnh, cấp xã, có đủ phẩm chất, năng lực, tư duy mới, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; (3) Tập trung cải cách hành chính, phát triển chính quyền số; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nâng cao năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

đoạn 2025 - 2030; tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, dự lường một số yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện của các ngành, lĩnh vực chủ yếu trong nền kinh tế của tỉnh, cụ thể là:

* **Phương án 1:** Ước tính giá trị sản xuất: (i) khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng khoảng 4,9% so với năm 2025 (*trong đó, nông nghiệp tăng 5,0%; lâm nghiệp tăng 7,0%; thủy sản tăng 4,0%*); (ii) khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 15,3%, trong đó, công nghiệp tăng 16,8% (năm 2026, Nhà máy lọc dầu Dung Quất dự kiến sản lượng đạt khoảng 6,6⁴⁷ triệu tấn; Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất 1 hoạt động ổn định, Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 đưa vào vận hành dây chuyền 1 vào tháng 4/2025 và dự kiến vận hành thử nghiệm dây chuyền 2 trong Quý 4/2025, dự kiến tổng sản lượng thép trong năm 2026 khoảng 10⁴⁸ triệu tấn; các ngành công nghiệp⁴⁹ ngoài dầu, thép tăng khoảng 14%), khu vực xây dựng tăng 4%; (iii) khu vực dịch vụ tăng khoảng 9%; (iv) vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt khoảng 98.000 - 100.000 tỷ đồng (*tăng khoảng 20% so với năm 2025*). Với giả định này, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt được như sau:

- (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 10%;
- (2) GRDP bình quân đầu người khoảng 4.460 USD;
- (3) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 71 - 72%; trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 42 - 43%;
- (4) Năng suất lao động xã hội tăng 8,5 - 9,5%;
- (5) Vốn đầu tư trên địa bàn đạt khoảng 98.000 - 100.000 tỷ đồng.

* **Phương án 2:** Các yếu tố khác tương tự như **Phương án 1**. Riêng, Nhà máy lọc dầu Dung Quất năm 2026 hoạt động ổn định với mức sản lượng dầu đạt khoảng 7,0 triệu tấn (*bằng sản lượng năm 2022*), tăng 0,4 triệu tấn và làm giá trị sản xuất tăng thêm 3.232 tỷ đồng so với Phương án 1, nên giá trị sản xuất khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 16,8%; trong đó, công nghiệp tăng 18,6% so với năm 2025. Với giả định này, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt được như sau:

- (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) trên 10,5%;
- (2) GRDP bình quân đầu người khoảng 4.480 USD;
- (3) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 71 - 72%; trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 42 - 43%;
- (4) Năng suất lao động xã hội tăng 9 - 10%;
- (5) Vốn đầu tư trên địa bàn đạt khoảng 98.000 - 100.000 tỷ đồng.

⁴⁷ Theo đề xuất của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn tại Công văn số 4389/BRS-KTĐT ngày 17/6/2025.

⁴⁸ Theo đề xuất của Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất tại Công văn số 1232/2025/HPDQ-P.ĐN ngày 27/6/2025.

⁴⁹ Đồng thời có 1 số dự án mới đi vào hoạt động trong năm 2025-2026 sẽ góp phần tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, cụ thể: Nhà máy sản xuất khí công nghiệp Messer - Quảng Ngãi, Nhà máy sản xuất các sản phẩm sau thép, Nhà máy sản xuất vải Sedo - Dung Quất, Nhà máy sơ chế và chế biến dược liệu, một số dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh như: Thủy điện Trà Khúc 1 và 2, Thủy điện Đăkđrinh 2, Thủy điện Đăk Mì 1 và 1A, Thủy điện Plei Kàn Hạ, Thủy điện Đăk Mek 3...

Trong các phương án nêu trên đều thực hiện trong tình hình tỉnh Quảng Ngãi đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án lớn, trọng điểm, có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, như: Xây dựng Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; dự án Đường sắt tốc độ cao Bắc Nam (đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi), cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; dự án mở rộng, nâng cấp QL 24 và 24B; Toàn tuyến của dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; dự án Mở rộng diện tích trồng Sâm Ngọc Linh lên 6.000 ha và xây dựng nhà máy chế biến sâu để nâng cao giá trị;... Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; dự án Sản xuất ray đường sắt và thép đặc biệt Hòa Phát Dung Quất; Dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP 2,... với dự kiến tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt đến 98.000 - 100.000 tỷ đồng là phù hợp; trong đó, **Phương án 1** phù hợp và khả thi; **Phương án 2** thực hiện trong điều kiện rất lạc quan, thuận lợi nhất trên mọi phương diện, lĩnh vực so với **Phương án 1**. Do đó, Tỉnh đề xuất chọn **Phương án 1** làm phương án tăng trưởng năm 2026 của tỉnh để tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành nỗ lực phấn đấu nhằm quyết tâm duy trì sự ổn định, phát triển của nền kinh tế và góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 đã đề ra. Theo đó, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của tỉnh Quảng Ngãi với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Nhóm chỉ tiêu về kinh tế

- (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 10%.
- (2) Năng suất lao động xã hội tăng 8,5 - 9,5%.
- (3) GRDP bình quân đầu người khoảng 4.460 USD.
- (4) Thu nhập bình quân đầu người tăng 9-10%.
- (5) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 71 - 72%; trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 42 - 43%.
- (6) Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt 12%.
- (7) Vốn đầu tư trên địa bàn đạt khoảng 98.000 - 100.000 tỷ đồng.

b) Nhóm chỉ tiêu về văn hóa, xã hội

- (8) Số bác sĩ/vạn dân đạt 10,2 bác sĩ; số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 35,18 giường.
- (9) Có ít nhất 57,2% trường mầm non; 75,6% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia.
- (10) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội đạt 40,7%.
- (11) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25,66%.
- (12) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều còn 1,47%.

c) Nhóm chỉ tiêu môi trường

- (13) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 59,65%.
- (14) Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 30,6%.

d) Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh

(15) Hằng năm, 100% đơn vị hành chính cấp xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt khoảng 70%.

(16) Hằng năm, có ít nhất 80% khu dân cư, đơn vị hành chính cấp xã, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

III. CÁC ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung chỉ đạo của Trung ương về phát triển kinh tế - xã hội

Kịp thời tổ chức quán triệt, nghiên cứu, học tập, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi Khóa I nhiệm kỳ 2025 - 2030, các quyết định, chương trình hành động, kế hoạch, chỉ thị, xây dựng các phương án, kịch bản điều hành và quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Rà soát các kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, đặc biệt là chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình - Trưởng Ban Chỉ đạo 751, Kết luận số 77-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 170/2024/QH15 của Quốc hội và các quy định pháp luật có liên quan để tập trung giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, dừng thi công, khẩn trương triển khai, hoàn thành, đưa vào sử dụng chống lãng phí, thất thoát theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Tập trung thực hiện nhiệm vụ, giải pháp thu, chi ngân sách nhà nước

Tăng cường chỉ đạo, điều hành công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, phân đầu tăng thu so với dự toán Trung ương giao; thu hồi kịp thời nợ đọng thuế, chống thất thu ngân sách nhà nước; tổ chức theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách nhà nước; quản lý từng nguồn thu, sắc thuế; thực hiện thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước; xây dựng phương án và triển khai thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đảm bảo hoàn thành dự toán thu tiền sử dụng đất; tăng cường công tác quản lý thu thuế đối với tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn; đẩy mạnh quản lý thu thuế thương mại điện tử, thực hiện nghiêm quy định về hóa đơn điện tử. Quản lý, điều hành chi ngân sách nhà nước theo đúng quy định, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước.

Phân bổ kế hoạch đầu tư công khoa học, phù hợp tình hình thực tiễn của địa phương. Tập trung vốn cho các dự án trọng điểm, cấp thiết, có tác động lan tỏa lớn, có khả năng giải ngân nhanh, sớm phát huy hiệu quả; chủ động xử lý, tháo gỡ kịp thời những tồn tại, vướng mắc, khó khăn, nhất là trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư để bàn giao mặt bằng thi công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án... Xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, thường xuyên đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công; thực hiện nghiêm thu, lập hồ sơ thanh toán ngay khi có khối lượng; xử lý nghiêm các trường hợp nhà thầu vi phạm tiến

độ, chất lượng thi công công trình. Phấn đấu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đầu tư công (bao gồm các Chương trình mục tiêu quốc gia) gắn với bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

3. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới với trọng tâm là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Phát triển các mô hình kinh tế mới. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; xác định phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cùng các loại hình kinh tế khác giữ vai trò quan trọng. Tập trung thu hút một số dự án lớn từ nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong các lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuỗi cung ứng thông minh, năng lượng sạch, các dự án có sự liên kết, hợp tác về chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao, chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài.

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Quy hoạch tổng thể Quốc gia; Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung và vùng Tây Nguyên; các Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch ngành quốc gia đã được phê duyệt; điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2045, các quy hoạch phân khu 1/2000 trong Khu kinh tế Dung Quất. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kịp thời Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030; tổ chức thực hiện công tác lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;...

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đồng thời triển khai xây dựng và thực hiện hiệu quả nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, các đề án, kế hoạch: Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch tái cơ cấu ngành Công Thương tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn đến năm 2030; Xây dựng Đề án phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững gắn với khai thác giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng để phát triển cây Sâm Ngọc Linh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi...

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022, Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị khóa XIII, trong đó: Tổ chức triển khai thực hiện Đề án để xây dựng trung tâm lọc, hoá dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất và Đề án phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành trung tâm du

lịch biển - đảo.

Chú trọng phát triển các vùng kinh tế động lực, các hành lang kinh tế chiến lược, nhất là hành lang kinh tế Đông - Tây gắn với phát triển kinh tế vùng biên mậu, phát triển công nghiệp, kinh tế biển và du lịch. Tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng dùng chung mang tính kết nối vùng và liên vùng. Phối hợp, gắn kết với các địa phương trong vùng xúc tiến đầu tư, huy động và phân bổ nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

4. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng sinh thái, bền vững và có chiều sâu, tạo ra những sản phẩm có lợi thế mạnh, có thương hiệu, tham gia sâu và hiệu quả vào chuỗi sản xuất của khu vực và toàn cầu; ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, chế biến, chế tạo.

Tập trung xúc tiến những ngành nghề, lĩnh vực mà Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y với Khu kinh tế mở Chu Lai để hình thành trung tâm công nghiệp trọng điểm của khu vực và cả nước, đặc biệt là các ngành nghề liên quan đến sử dụng cảng biển nước sâu, các dự án có nhu cầu sử dụng quỹ đất rộng, các dự án gắn với nguồn nguyên liệu tại chỗ; thu hút các dự án thuộc lĩnh vực phụ trợ cho ngành công nghiệp luyện cán thép; chuỗi dự án sản xuất các sản phẩm sau thép, cơ khí chế tạo, gia công hàng xuất khẩu; các dự án dịch vụ hậu cần cảng biển, dịch vụ logistics.

Rà soát, kiểm tra tình hình thực hiện các dự án địa bàn tỉnh, nhất là các dự án khu dân cư, khu đô thị đã cấp Quyết định chủ trương đầu tư nhưng chậm tiến độ kéo dài qua nhiều năm, không triển khai thực hiện để xử lý dứt điểm hoặc thu hồi theo quy định, tạo điều kiện cho công tác thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến. Sớm hoàn thiện các thủ tục để thực hiện các dự án tại khu vực Quy hoạch phân khu MĐ1 tại Măng Đen; kịp thời tháo gỡ, khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình xây dựng các dự án: Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2; dự án Nhà máy sản xuất ray thép và thép đặc biệt, dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp VSIP II Quảng Ngãi (giai đoạn 1); các dự án Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất I, Dung Quất II, Dung Quất III, Khu công nghiệp và sản xuất dược liệu tập trung Đắk Tô,...

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII; hướng dẫn, hỗ trợ, đôn đốc Nhà đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời, thủy điện đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư, các dự án đã xác định cụ thể danh mục dự án đầu tư trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh sớm hoàn thành thủ tục đầu tư để triển khai thực hiện đầu tư xây dựng đảm bảo tiến độ đưa vào vận hành, phát điện.

5. Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng cao; phát triển du lịch

Tập trung phát triển, khai thác các ngành dịch vụ có lợi thế. Khai thác tối đa tiềm năng lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, bản sắc văn hóa, di tích lịch sử, di sản vật thể và phi vật thể... để thu hút du khách. Tăng cường quảng bá, xây dựng và giới thiệu các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương như du lịch biển - đảo, sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh... Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, nhất là trong các lĩnh vực du lịch, thương mại điện tử, tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục, logistics, các dịch vụ mới của nền kinh tế số, có giá trị gia tăng cao. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh.

Phát huy những tiềm năng, cùng các giá trị văn hóa, lịch sử, con người để thu hút đầu tư, phát triển du lịch với các hạt nhân tạo thành tam giác phát triển du lịch thế mạnh của tỉnh: Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen, Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh. Phát triển du lịch với định hướng “ba quốc gia, một điểm đến”. Hình thành các tuyến du lịch kết nối giữa cao nguyên và biển đảo trên cơ sở phát huy sự đa dạng bản sắc văn hóa của mỗi vùng miền, của các đồng bào dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh mang đậm bản sắc Tây Nguyên. Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch như: Du lịch sinh thái, nông nghiệp; du lịch văn hóa, lịch sử; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch cộng đồng; ưu tiên sản phẩm du lịch đặc trưng, có bản sắc riêng. Phát triển Khu du lịch Mỹ Khê để sớm được công nhận là khu du lịch quốc gia; phát triển Khu du lịch Măng Đen thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Thu hút các nhà đầu tư chiến lược để đầu tư tổ hợp khu đô thị - dịch vụ - du lịch nghỉ dưỡng, giải trí quy mô lớn, chất lượng cao dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đặc khu Lý Sơn, Khu du lịch Thạch Bích - Núi Chúa, núi Cà Đam,... Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, tổ chức xúc tiến và quảng bá du lịch của tỉnh.

6. Phát triển nông, lâm, thủy sản hiệu quả, bền vững, giá trị gia tăng cao

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững; phát triển các ngành hàng chủ lực, lợi thế theo vùng, miền; nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và thích ứng với biến đổi khí hậu; mở rộng và phát triển bền vững các loại cây trồng chủ lực như: cây ăn quả khoảng 14.000 ha, Mắc ca: 4.447 ha, Sâm Ngọc Linh khoảng: 3.422 ha, trong đó: trồng mới Sâm Ngọc Linh khoảng 500 ha và các cây dược liệu khác, gắn với bảo vệ nguồn gene và thương hiệu Sâm Ngọc Linh; tiếp tục khôi phục và phát triển cà phê xứ lạnh. Đẩy mạnh kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; nâng cao vị thế và giá trị nông sản của tỉnh trên thị trường quốc tế. Đẩy mạnh liên kết sản xuất, nhân rộng mô hình liên kết 4 nhà phát triển sản phẩm nông nghiệp hàng hóa. Tiếp tục phát triển chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp đối với sản phẩm chủ lực, đặc trưng, có thế mạnh.

Tăng cường phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ban Chấp hành

Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó: Phát triển kinh tế biển đồng bộ cả công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản, hạ tầng cảng biển, logistics. Phát triển thủy sản bền vững, hiện đại tàu cá và nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản xa bờ; tập trung nuôi trồng các loại thủy sản có lợi thế, có tính cạnh tranh cao. Thực hiện nghiêm một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm, khai thác, xâm phạm trái phép rừng phòng hộ, hoạt động săn bắt, tận diệt các nguồn đa dạng sinh học. Tăng cường áp dụng các biện pháp để giảm xói mòn đất và nước trong sản xuất nông nghiệp, chống đất bị bạc màu và tăng độ phì cho đất canh tác. Quản lý tốt hoạt động mở đường tự phát gây xói mòn, sạt lở núi trong khai thác rừng keo hiện nay. Phát triển ngành lâm nghiệp bền vững gắn với bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, đặc biệt là giá trị các-bon rừng. Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 59,65%.

Thực hiện di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi gắn với chuyển dần chăn nuôi nông hộ sang chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường. Phát triển ngành chăn nuôi đồng bộ từ nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực chế biến, bảo quản và cung ứng các sản phẩm chăn nuôi ra thị trường.

7. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Tích cực phối hợp để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án hạ tầng giao thông quan trọng trên địa bàn tỉnh như: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn; đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; đẩy nhanh hoàn thành các thủ tục sớm đầu tư tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum;... đồng thời, sớm đầu tư nâng cấp Quốc lộ 24. Nghiên cứu, kịp thời triển khai các bước tiếp theo để phát triển cảng hàng không Măng Đen khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bổ sung Cảng hàng không Măng Đen vào quy hoạch. Đẩy nhanh tiến độ các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm, có tính kết nối, lan tỏa: Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong; Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh, giai đoạn IIa; Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh, giai đoạn IIb Đường Hoàng Sa-Dốc Sỏi; Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối Kon Plông với các xã miền núi thuộc tỉnh Quảng Ngãi cũ; Đường Trường chinh (đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Đào Duy Từ - phạm vi cầu nối qua sông Đăk Bla); Đường trục chính phía Tây thành phố Kon Tum;... Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các thủ tục đầu tư dự án để khởi công mới theo kế hoạch.

Phát triển đô thị gắn với những đột phá về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan theo hướng đô thị sinh thái, văn minh, thông minh, hiện đại,

thích ứng với biến đổi khí hậu; dần hình thành các đô thị sinh thái, thông minh dọc hai bên bờ sông Trà Khúc, sông Đăk Bla, gắn kết giữa bảo tồn thiên nhiên và phát triển hiện đại; định hướng phát triển một số đô thị động lực ở các khu vực có lợi thế như: Đông Nam Dung Quất; Măng Đen. Phát triển Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp, các trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch theo hướng đa trung tâm tạo mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các địa phương.

Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội; Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu hoàn thành nhà ở xã hội trong năm 2026 và Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa và phát triển kinh tế nông thôn; duy trì và phát huy kết quả xây dựng thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn.

8. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội

Tháo gỡ các nút thắt, khơi thông, giải phóng, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo, chuyên đổi số. Đồng hành cùng doanh nghiệp và hình thành đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh. Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước; nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án có hàm lượng khoa học, công nghệ và giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế so sánh; chú trọng thu hút các dự án đầu tư có công nghệ hiện đại, ít tiêu tốn tài nguyên; ưu tiên kêu gọi đầu tư các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, chế biến, chế tạo,...

Tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; thực hiện có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đẩy nhanh số hóa, tăng cường tích hợp, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu, tạo chuyển biến rõ nét trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến, góp phần giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

9. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

Tổ chức thực hiện hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh. Thực hiện rà soát, sắp xếp, củng cố mạng lưới trường lớp học, huy động có hiệu quả các nguồn lực

đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường thiết bị dạy học đảm bảo chuẩn hóa, đồng bộ. Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống của người học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông trong dạy và học, kiên quyết khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, chú trọng hơn nữa việc dạy cách học, khuyến khích tự học, tự cập nhật và đổi mới tri thức; hoàn thiện hệ thống giáo dục trên địa bàn tỉnh theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo; chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức công dân, đa dạng hóa các hình thức học tập, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; bảo đảm an toàn trường học, vệ sinh trường học, môi trường sư phạm thân thiện, lành mạnh; chủ động hội nhập, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo. Thực hiện nghiêm, hiệu quả Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến, đặc biệt y tế cơ sở; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn, tinh thần thái độ phục vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ sở khám, chữa bệnh; đẩy mạnh kêu gọi đầu tư phát triển y tế kỹ thuật cao, dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe. Khuyến khích các cơ sở y tế công lập liên kết với các cá nhân, doanh nghiệp để đầu tư các trang thiết bị y tế tiên tiến, hiện đại, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh, phòng bệnh cho Nhân dân; tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động hành nghề y dược tư nhân; các hoạt động liên kết tại các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, thiết bị y tế có chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý cho công tác công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Bảo vệ và phát huy những giá trị tốt đẹp, bền vững trong văn hóa truyền thống; tiếp thu, chọn lọc các giá trị văn hóa hiện đại tích cực để xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể. Tiếp tục thực hiện tốt việc khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, truyền thống của các dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử cách mạng gắn với phát triển du lịch. Phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng, phát triển các môn thể thao chuyên nghiệp, thành tích cao mà tỉnh có thể mạnh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ; chú trọng hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tích cực, chủ động tiếp cận, áp dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế - xã hội và thu nhập của Nhân dân; thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ ứng dụng,

chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội về giáo dục nghề nghiệp; sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đảm bảo hoạt động hiệu quả,... kịp thời kết nối nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trên địa bàn với người lao động tiếp cận thông tin tìm kiếm việc làm. Giải quyết các chế độ chính sách cho người có công với cách mạng đảm bảo kịp thời, đúng quy định. Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, các chính sách cho những người yếu thế trong xã hội; công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới và phòng chống tệ nạn xã hội.

Tập trung thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức chu đáo, tiết kiệm, hiệu quả các hoạt động kỷ niệm, các sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước, của tỉnh; tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các xã miền núi; thực hiện tốt các chính sách dân tộc, nhất là hỗ trợ định canh, định cư, đất ở, đất sản xuất, nhà ở đối với dân tộc thiểu số và hộ nghèo.

10. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Nâng cao chất lượng công tác quản lý đất đai. Siết chặt quản lý, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong khai thác tài nguyên, khoáng sản. Bảo vệ và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước.

Khuyến khích thu hút các dự án đầu tư xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên, ít phát thải nhà kính để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững; kiên quyết không thu hút các dự án công nghệ lạc hậu, tiêu tốn tài nguyên. Thực hiện hiệu quả, chất lượng công tác đánh giá tác động môi trường khi triển khai thực hiện các dự án đầu tư. Tăng cường thanh, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, giải quyết triệt để các vấn đề bức xúc liên quan đến rác thải, ô nhiễm môi trường. Từng bước thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn.

Chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý chặt chẽ công tác vận hành, thực hiện kiểm tra an toàn đập, hồ chứa thủy lợi trước mùa mưa lũ. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng kịp thời và chủ động ở các vùng dễ bị tác động, ảnh hưởng thiên tai, nhất là trọng điểm dân cư sinh sống, sản xuất tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai. Rà soát, củng cố các lực lượng, phương tiện, vật tư, hậu cần để tổ chức tốt công tác phòng chống thiên tai theo phương châm “04 tại chỗ” khi xảy ra, không để bị động, bất ngờ.

11. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; đẩy mạnh cải cách hành chính; chuyển đổi số

Đẩy mạnh cải cách công vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm đáp ứng yêu cầu mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Xây dựng Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2025 - 2030. Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực thi công vụ.

Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao điểm số, thứ hạng của 06 Chỉ số: Cải cách hành chính (PAR INDEX), năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) và Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII).

Tiếp tục rà soát sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp theo quy định, đảm bảo sự vận hành đồng bộ, hiệu quả. Đồng thời, đẩy mạnh thực hiện việc phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với việc thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Xây dựng hoàn thiện vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị, địa phương làm cơ sở cơ cấu, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện giải quyết tinh giản biên chế theo quy định.

Thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp và dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh. Phát triển, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng, sức cạnh tranh, sáng tạo; trong đó: Phát triển dịch vụ bưu chính để làm hạ tầng chuyển phát và logistics cho thương mại điện tử; phát triển dịch vụ viễn thông, hạ tầng kết nối nền kinh tế số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ và của tỉnh trên địa bàn tỉnh. Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nâng tỷ lệ, số lượng thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Thực hiện chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trọng tâm là phát triển các nền tảng số để cung cấp dịch vụ theo nhu cầu của tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân; rà soát, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số; thúc đẩy, hỗ trợ từng bước hình thành và phát triển doanh nghiệp số, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh; phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân, tăng tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng.

Tăng cường bảo vệ an toàn trên môi trường mạng thông qua tuyên truyền nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức, phổ cập kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho người dân. Đẩy mạnh quản lý, giám sát thông tin trên mạng, đấu tranh, phản bác kịp thời các thông tin xấu độc, sai sự thật gây ảnh hưởng không tốt đối với đời sống dư luận xã hội.

12. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác nội chính và đối ngoại

Tăng cường công tác nắm, dự báo, đánh giá sát tình hình, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự (ANTT), kịp thời xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ, nhất là các vụ khiếu kiện liên quan đến phát triển các dự án kinh tế, không để xảy ra các “điểm nóng” phức tạp về ANTT. Mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm nguy hiểm, nhất là các băng nhóm, hoạt động “tín dụng đen”, đối tượng trộm cắp tài sản, đòi tiền bảo kê doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về ANTT gắn với triển khai quyết liệt các giải pháp ứng dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, căn cước công dân; các tiện ích của Đề án số 06 của Chính phủ để phục vụ công

tác quản lý xã hội và phòng, chống tội phạm. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông, phân đầu giảm tai nạn giao thông cả 03 tiêu chí.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở; tập trung xử lý dứt điểm các vụ khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài, vượt cấp, không để phát sinh điểm nóng. Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện tốt công tác về kiểm soát tài sản thu nhập theo quy định.

Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về mục tiêu, vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của ngoại giao văn hóa trong thời kỳ hội nhập quốc tế; Chiến lược ngoại giao văn hóa của Chính phủ và chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh về công tác ngoại giao văn hóa.

Nâng cao hiệu quả các hoạt động giới thiệu, quảng bá thông tin, hình ảnh của tỉnh, danh mục dự án kêu gọi đầu tư, viện trợ ODA, NGO,... Đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, hợp tác hữu nghị truyền thống với các địa phương của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Vương quốc Campuchia. Tăng cường mở rộng, thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước trên thế giới (trong đó, có các nước tiêu vùng sông Mê Kông, ASEAN, khu vực Đông Bắc Á); mở rộng, thiết lập quan hệ hữu nghị hợp tác với các cơ quan ngoại giao, các địa phương và doanh nghiệp nước ngoài; thực hiện tốt công tác tổ chức và quản lý hội nghị hội thảo quốc tế, công tác bảo hộ công dân đối với công dân địa phương có liên quan đến yếu tố nước ngoài, công tác lãnh sự đối với người nước ngoài tại địa phương, công tác MIA; tăng cường quản lý đoàn ra, đoàn vào theo đúng quy định,...

Tăng cường công tác hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao Nhân dân, ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại; triển khai có hiệu quả công tác đối với Người Việt Nam ở nước ngoài; tăng cường các hoạt động thông tin tuyên truyền đối ngoại, nhất là về bảo vệ chủ quyền biển - đảo. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực, các cam kết trong WTO và Cộng đồng kinh tế ASEAN để mở rộng thị trường xuất khẩu, nhập khẩu.

Kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thống kê tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, KTTH.NTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc